

慧覺文集



HUỆ KHÀI

TRIẾT LÝ
ĐỀN THÁNH
CAO ĐÀI
TÂY NINH

HUỆ KHÀI

TRIẾT LÝ ĐỀN THÁNH CAO ĐÀI TÂY NINH

NXB TÔN GIÁO

TG NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

TRIẾT LÝ ĐỀN THÁNH
CAO ĐÀI TÂY NINH



Môn sanh **ĐẠT TỊNH (Nguyễn Văn Phát)**

Chánh Hội Trưởng thánh thất Bàu Sen và Gia Đình
ấn tống 2.500 quyển. Kính nguyện hồi hướng về
giác linh thân mẫu là **LÊ THỊ DO (1921-2010)**.

Quý Thiên ân chức sắc, chức việc, đạo hữu, đạo tâm
trong Tam Kỳ Phổ Độ ấn tống 2.500 quyển. Kính nguyện hồi
hướng cho quốc thái dân an, đạo pháp trường lưu, chánh giáo
hoằng dương, vạn linh thức tỉnh hồi đầu, đồng đăng bỉ ngạn.

Đôi Lời Tha Thiết

Quý vị vui lòng **KHÔNG photocopy, KHÔNG mua bán** bất kỳ
kinh sách nào do Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách
Cao Đài thực hiện. Trân trọng kính mời Quý vị liên hệ với
thánh thất Bàu Sen, hoặc **các điểm phát hành** của chúng tôi tại
các tỉnh, thành, quận, huyện để thỉnh các ấn phẩm chánh thức
(kính biểu).

Kinh sách được ấn tống để kính biểu rộng rãi là nhờ có biết
bao tấm lòng vàng của hàng hàng lớp lớp đạo tâm gần xa gửi
gắm. Để không phụ lòng các bậc Mạnh Thường Quân ấy, xin
Quý vị trân trọng giữ gìn kinh sách để truyền trao cho đúng
người thật tâm tìm tu, học đạo. Chúng tôi chân thành biết ơn sự
thấu hiểu, đồng cảm, và hợp tác chặt chẽ của Quý vị.

Ban Ấn Tống

Quyển **28.1** trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Cao Đài
Ấn phẩm kỷ niệm đại lễ Khai Minh Đại Đạo năm Canh Dần (2010)

HUỆ KHẢI
(Dũ Lan Lê Anh Dũng)

TRIẾT LÝ ĐỀN THÁNH CAO ĐÀI TÂY NINH

Nhà xuất bản **TÔN GIÁO**
Hà Nội 2010

MỤC LỤC

<i>Giao cảm</i>	5
1. Người Đạo Cao Đài	
Bước Vào Thiên Niên Kỷ Thứ Ba	7
2. Góp Phần Nghiên Cứu Nho Tông Chuyển Thế	
Suy Nghĩ Và Tìm Một Tiếp Cận	28
3. Triết Lý Đền Thánh Cao Đài Tây Ninh	48
Tiểu Sử Các Tiền Bối Cao Đài	74

HUỆ KHẢI Lê Anh Dũng giữ bản quyền
© All rights reserved – Vietnam 2010

Giao cảm

Tập sách mỏng này trình bày một vài suy niệm triết lý của tôi về kiến trúc Đền Thánh Cao Đài tại thánh địa Tây Ninh. Nguyên đây là bài nói chuyện tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, lúc 9 giờ sáng thứ Sáu 03-01-2003 (01-12 Nhâm Ngọ). Nhiều phần khác nhau của bài viết đã được đăng trên các tạp chí: *Xưa & Nay* (Hội Khoa Học Lịch Sử Việt Nam), số 62B (tháng 4-1999); *Văn Hóa Nghệ Thuật* (Bộ Văn Hóa), số 222 (tháng 12-2002); *Nghiên Cứu Và Phát Triển* (Sở Khoa Học, Công Nghệ Và Môi Trường Thừa Thiên - Huế), số 39 (quý 1-2003); *Công Giáo Và Dân Tộc* (số 137, tháng 5-2006).

Trong bài *Triết Lý Đền Thánh Cao Đài Tây Ninh* có nói tới sự chuyển dịch văn hóa và tâm linh từ đông sang tây và từ tây quay ngược về đông theo chu trình tán-tụ hay vãng-lai. Đây là một trong nhiều dự báo thú vị của các nhà tương lai học (*futurologists*) cho thiên niên kỷ thứ ba, cũng là kỷ nguyên phát triển của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Do đó, tôi mở đầu hiệp tuyển này với bài *Người Đạo Cao Đài Bước Vào Thiên Niên Kỷ Thứ Ba*. Nguyên đây là bài nói chuyện tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, lúc 9 giờ sáng thứ Sáu 27-10-2000 (01-10 Canh Thìn).

Cũng theo dự báo của các nhà tương lai học, thiên niên kỷ thứ ba còn có sự phục hưng vai trò quan trọng của đạo Nho, không chỉ riêng ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương mà còn mở rộng sang phương Tây. Điều này trùng hợp với chủ trương *Nho Tông chuyển thế* của đạo Cao Đài để góp phần xây dựng một kỷ nguyên an lạc, thái hòa, một thời hoàng kim

(*golden age*) mà đạo Cao Đài thường gọi là cảnh trời Nghiêu đất Thuần. Bởi thế, tôi chọn in trong hiệp tuyển này bài *Góp Phần Nghiên Cứu Nho Tông Chuyển Thế - Suy Nghĩ Và Tìm Một Tiếp Cận*. Nguyên đây là bài nói chuyện tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Chủ Nhật 08-10-1995 (15-8 nhuận Át Hợi).

Như thế, ở chừng mức nào đó, ba bài viết trong hiệp tuyển này có thể xem là hỗ trợ nhau để đưa ra một cách nhìn, một cách hiểu, ngõ hầu có thể “đến gần” với đạo Cao Đài – một tôn giáo dân tộc, và cũng là một cái tên tuy nghe quen mà dường như vẫn chưa hết lạ với nhiều giới.

Tôi trân trọng cảm tạ hiền huynh **Huệ Nhẫn** (Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo) đã hoan hỷ cho phép in lại một vài hình ảnh sử liệu do hiền huynh sưu tầm.

Tôi chân thành biết ơn hiền huynh Chánh Hội Trưởng thánh thất Bàu Sen **Đạt Tịnh** (Nguyễn Văn Phát) cùng bửu quyền, và cũng biết ơn sâu sắc toàn thể quý vị **Mạnh Thường Quân** ân nhân đã đồng tâm công quả ấn tống năm ngàn bản sách này, trợ giúp *Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Cao Đài* có thêm điều kiện rất tốt đẹp để hiệp sức với quý Thiên ân chức sắc, chức việc, đạo hữu, đạo tâm cùng quay bánh xe pháp trong công cuộc hồng giáo Kỳ Ba.

Xin cầu nguyện Đức Chí Tôn ban ơn lành đến toàn thể quý vị Mạnh Thường Quân và cửu huyền thất tổ của quý vị. Xin cầu nguyện giác linh hiền tử **Lê Thị Do** (1921-2010) được siêu thăng về cõi thiêng liêng hằng sống.

Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

HUỆ KHẢI

Phú Nhuận, tháng 10-2010

Người Đạo Cao Đài Bước Vào Thiên Niên Kỷ Thứ Ba

Trong ngành khoa học xã hội, *tương lai học* (futurology) nghiên cứu các xu thế đương đại để dự báo về những phát triển trong tương lai. Phương pháp luận của tương lai học bắt nguồn từ những dự báo kỹ thuật (*technological forecasting*) phát triển từ gần cuối Thế Chiến thứ Hai, và tác phẩm *Hướng Về Những Chân Trời Mới* (Towards New Horizons) của Theodore von Kármán xuất bản năm 1947 là một thí dụ quan trọng cho lãnh vực này.⁽¹⁾ Sau đó, từ thập niên 1950 đến thập niên 1990 luôn luôn có thêm một số tác phẩm của các nhà tương lai học (*futurologists*) ở nhiều nước khác nhau.

Thiên niên kỷ thứ ba chính thức mở màn với năm 2001. Từ hơn một thập niên qua, các nhà tương lai học trên thế giới đều dự báo rằng trong thiên niên kỷ thứ ba nhân loại năm châu sẽ ở vào vị thế *toàn cầu hóa, khu vực hóa, đa cực hóa*, con người sẽ *hội nhập toàn cầu* mà vẫn khẳng định *bản sắc dân tộc*...

Đáng chú ý là, cũng theo dự báo của các nhà tương lai học, truyền thống *tâm linh* được coi trời và sẽ trở dậy mãnh liệt hơn bao giờ hết; *tôn giáo* chân chính sẽ là chất xúc tác có khả năng làm cho các quốc gia, các dân tộc xích lại gần nhau.

1. VIỆT NAM TRƯỚC NHỮNG DỰ BÁO TƯƠNG LAI

⁽¹⁾ *The New Encyclopaedia Britannica*. Vol. 5, 15th ed., 1998, tr. 63.

a. Tiếp thu phương Tây

Từ đầu thập niên 1990, khi thiên niên kỷ thứ hai sắp kết thúc, Việt Nam đã quan tâm tới dự báo của một vài nhà tương lai học phương Tây.

* ALVIN TOFFLER là một nhà tương lai học người Mỹ, sinh ngày 04-10-1928 tại thành phố New York. Từ *Financial Times* (Thời Báo Tài Chánh) của Anh mô tả Toffler là nhà tương lai học danh tiếng nhất thế giới – *world's most famous futurologist*. Từ *Nhân Dân Nhật Báo*, cơ quan ngôn luận của Đảng Cộng Sản Trung Quốc xếp loại ông là một trong số năm mươi người nước ngoài đã định hình Trung Quốc hiện đại – *among the 50 foreigners that shaped modern China*.⁽²⁾

Nhà xuất bản Thông Tin Lý Luận (Hà Nội) đã ấn hành ba quyển sách của Alvin Toffler dịch ra tiếng Việt như sau:

- *Thăng Trầm Quyền Lực* (Power Shift, 1991).
- *Cú Sốc Tương Lai* (Future Shock, 1992).
- *Làn Sóng Thứ Ba* (The Third Wave, 1992).

Lúc đầu, dường như giới chức Việt Nam không tránh khỏi đôi chút dè dặt nên trên các trang thủ tục cuối sách đều cần thận in dòng chữ: *Không lưu hành rộng rãi*.

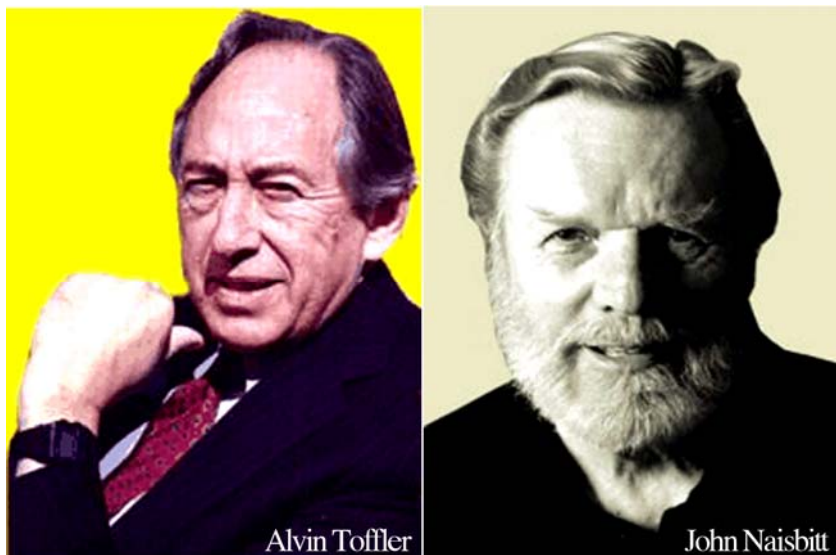
* JOHN NAISBITT sinh ngày 15-01-1929 tại thành phố Salt Lake (Hồ Muối), thủ phủ của bang Utah (Hoa Kỳ). Ông được đào tạo tại ba viện đại học danh tiếng là Harvard, Cornell và Utah. *Megatrends* là tác phẩm đầu tay (1982), kết quả ngót mười năm nghiên cứu. Sách được in ở gần sáu mươi quốc gia, bán ra hàng chục triệu bản in.

Năm 1992 nhà xuất bản Tp.HCM cho ra mắt bản dịch *Các*

⁽²⁾ http://en.wikipedia.org/wiki/Alvin_Toffler.

Xu Thế Lớn Năm 2000 (Megatrends 2000) của John Naisbitt viết chung với Patricia Aburdence.

Tháng 11-1998, nhà xuất bản Trẻ cho ấn hành một dự báo khác của John Naisbitt với nhan đề *Những Xu Hướng Lớn Của Châu Á Làm Thay Đổi Thế Giới*.⁽³⁾



b. Tiếp thu Trung Quốc

Trên cái đà đó, không chỉ dịch của phương Tây, Việt Nam còn dịch của Trung Quốc. Chẳng hạn:

Tháng 6-1998, nhà xuất bản Thống Kê (Hà Nội) ấn hành *Dự Báo Thế Kỷ 21*. Đây là bản dịch quyển *Dự Báo Về Thế Giới Thế Kỷ 21* của tập thể các tác giả Trung Quốc (nhà xuất bản Thượng Hải, tháng 12-1996).

Tháng 9-1999, nhà xuất bản Văn Hóa - Thông Tin (Hà Nội)

⁽³⁾ Nguyên tác: *The Eight Asian Megatrends That Are Changing the World*. London: Nicholas Brealey, 1995.

ấn hành *Đại Dự Đoán Trung Quốc Thế Kỷ 21*, do Phùng Lâm chủ biên.

c. Đi tìm một dự báo cho Việt Nam

Trong nỗ lực đi tìm một dự báo mang tính Việt Nam, từ tháng 9-1996 đến tháng 8-1997 tại Hà Nội, Viện Nghiên Cứu Chiến Lược Và Chính Sách Khoa Học Và Công Nghệ đã triển khai nghiên cứu đề tài *Xu Thế Thế Giới Trong Những Thập Niên Đầu Thế Kỷ 21*.

Tháng 12-1997, khi Bộ Khoa Học, Công Nghệ Và Môi Trường nghiệm thu đề tài trên đã khuyến nghị tiếp tục bổ sung, hoàn chỉnh đề tài.

Tháng 7-1998, Hoàng Đình Phú được Viện Nghiên Cứu Chiến Lược Và Chính Sách Khoa Học Và Công Nghệ giao nhiệm vụ nghiên cứu bổ sung.

Tháng 02-2000, quyển *Xu Thế Thế Giới Trong Những Thập Niên Đầu Thế Kỷ 21* của Hoàng Đình Phú được nhà xuất bản Khoa Học Và Kỹ Thuật ấn hành tại Hà Nội.⁽⁴⁾

Những điều liệt kê trên đây chắc chắn còn thiếu sót, nhưng có lẽ tạm đủ để cho thấy rằng giới trí giả Việt Nam đã có một thái độ nghiêm cẩn trước các dự báo về viễn cảnh thiên niên kỷ thứ ba, đặc biệt là quan tâm thế kỷ 21, nhất là những thập niên mở đầu cho cả thiên niên kỷ.

Trong tiếng Anh, thiên niên kỷ là *millennium*. Lạ thay, từ này còn có nghĩa là *một thời kỳ an vui, phồn vinh và công bằng mà nhân loại mơ ước*.⁽⁵⁾ Các tôn giáo như đạo Cao Đài được phương Tây gọi là *millennarian religions* và có người đã

⁽⁴⁾ Hoàng Đình Phú, *sách đã dẫn*, tr. 5.

⁽⁵⁾ *American Heritage Illustrated Encyclopedic Dictionary*. Boston: Houghton Mifflin Co., 1987, tr. 1078.

dịch là *tôn giáo cứu thế*.

Như vậy, trong mức độ nào đó, *millennium* tương đồng với thời đại hoàng kim (*golden age*) hay thời đại Nghiêu-Thuần lý tưởng ở phương Đông.

Với ý nghĩa này của *millennium*, phải chăng những dự báo khoa học về một viễn cảnh mới mẻ của thiên niên kỷ thứ ba cũng phản ánh một phần nào tâm thức sâu kín của nhân loại toàn cầu vẫn hằng luôn mơ ước, khát khao về một *kỷ nguyên thánh đức*. Cho nên trong nhiều dự báo, các nhà tương lai học đã *khẳng định vai trò quan trọng của tôn giáo, và kỳ vọng sự đóng góp tích cực của các tôn giáo chân chính trong thiên niên kỷ thứ ba*.

Tiếp cận dự báo này, cũng như các cộng đồng tôn giáo khác, người đạo Cao Đài không thể nào không ý thức chuẩn bị để sẵn sàng nhập cuộc.

2. NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI TIẾP CẬN CÁC DỰ BÁO TƯƠNG LAI

Năm 1926, đạo Cao Đài ra đời tại cái nôi Nam Kỳ như là một mắt xích khởi điểm của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Danh xưng Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ tự nó không hạn hẹp trong cảnh vực Việt Nam. Đức Bác Nhã Thiên Sư dạy:

*Hội Tam Kỳ quy nguyên vạn giáo,
Gồm Thích, Nho, Gia, Lão một nhà,
Vi đời chia bảy xẻ ba,
Nên đem tôn chỉ dung hòa năm châu.*

Thực vậy, *Đại Đạo* hàm ngụ một ý nghĩa siêu thời gian và siêu không gian. *Phổ Độ* ngay từ buổi bình minh của đạo Cao Đài đã được định nghĩa là *cứu độ toàn nhân loại (universal salvation, universalism)*.

Tuy nhiên, *Tam Kỳ* hay *Kỳ Ba* thực chất sẽ kéo dài bao lâu?

Và thiên niên kỷ thứ ba có liên hệ gì với Kỳ Ba? Theo thánh ngôn, thánh giáo Cao Đài, Ôn Trên cho biết mỗi đạo của Cao Đài Tiên Ông sẽ truyền được *thất ức niên*. Một ức là *mười vạn* (10 x 10.000) tức là một trăm ngàn. Như vậy tạm hiểu rằng mỗi đạo Kỳ Ba dài gấp *bảy trăm lần* thiên niên kỷ.

Tính từ năm khai Đạo (1926) tới nay, đạo Cao Đài chưa tròn một thế kỷ, và khi đạo Cao Đài kỷ niệm bách niên lần thứ nhất (một trăm tuổi), thì cũng chỉ mới vừa kinh qua một phần bốn mươi (1/40) thiên niên kỷ thứ ba, nghĩa là *đạo Cao Đài vẫn còn là một tôn giáo trẻ* ở phần đầu của thiên niên kỷ thứ ba.

Suy nghiệm như thế, phải chăng có thể nghĩ rằng *thiên niên kỷ thứ ba cũng là buổi bình minh của Tam Kỳ Phổ Độ*? Đức Cao Triều Phát dạy:

*Trời Nam mở cửa đón bình minh,
Nhân loại đua chen thoát mộng huyền.
Cất bước lên đường về lối cũ,
Thoát vòng ô trược kiếp phù sinh.⁽⁶⁾*

Đối với người đạo Cao Đài, tìm hiểu những dự báo tương lai cũng chính là chuẩn bị một *ý thức*, một *thái độ*, một *hành trang* sao cho đạo Cao Đài đích thực đúng nghĩa là *nói tất* của danh xưng Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.⁽⁷⁾

3. MỘT VÀI DỰ BÁO VỀ THIÊN NIÊN KỶ THỨ BA

Điềm qua những dự báo đã được ấn hành tại Việt Nam trong vòng mười năm ấy (1990-2000), có thể nêu ra mấy nét

⁽⁶⁾ Thánh thất Bình Hòa, 26-12 Đinh Mùi (25-01-1968).

⁽⁷⁾ Đức Giáo Tông Vô Vi Lý Thái Bạch dạy rằng “*nói tất*” là đạo Cao Đài, còn nói “*nguyên văn*” là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. (Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-01 Tân Hợi, 10-12-1971).

lớn đáng quan tâm như sau:

a. Xu thế toàn cầu hóa

“Xu thế toàn cầu hóa hiện nay đã được nâng lên một trình độ rất cao theo nhu cầu phát triển kinh tế - văn hóa của thế giới và dựa trên những thành tựu tuyệt vời của cách mạng công nghệ, đặc biệt là trong lĩnh vực tin học và viễn thông.”⁽⁸⁾

“Ngày nay xu thế toàn cầu hóa đã (...) bao quát mọi mặt hoạt động kinh tế, văn hóa, chính trị và mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Đó là xu thế đặc trưng nhất của thời đại và không thể đảo ngược. Không một nước nào có thể phát triển mà đứng ngoài xu thế toàn cầu hóa.”⁽⁹⁾

Dự báo về xu thế toàn cầu hóa khiến người đạo Cao Đài nhớ lời Đức Chí Tôn dạy ngày 24-4-1926:

“... vì khi trước còn vô đắc khán, khôn vô đắc duyệt, thì hơn loại duy có hành đạo nội tư phương mình mà thôi.

Còn nay thì hơn loại đã hiệp đồng, còn khôn dĩ tận thức (...) nên Thầy mới nhứt định quy nguyên phục nhứt. (...)

Thầy nhứt định chính mình Thầy đến độ rồi các con, chẳng chịu giao chánh pháp cho tay phàm nữa.”⁽¹⁰⁾

Đi đôi với xu thế toàn cầu hóa là xu thế khu vực hóa, đa cực hóa.

b. Xu thế khu vực hóa

Gần cuối thế kỷ 20 (chính xác là từ ngày 01-11-1993) châu Âu đã lấy phương thức Cộng Đồng Châu Âu (*EC: European Community*) để kết hợp với nhau về chính trị, kinh tế, văn hóa.

⁽⁸⁾ Hoàng Đình Phu, *sách đã dẫn*, tr. 7.

⁽⁹⁾ Hoàng Đình Phu, *sách đã dẫn*, tr. 9.

⁽¹⁰⁾ *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*, Bản thứ Nhứt, Sài Gòn 1928, tr. 17.

Tổ chức *ASEAN (Association of Southeast Asian Nations)* thành lập từ năm 1967 với năm nước thành viên là Indonesia, Malaysia, Philippines, Singapore, và Thái Lan. Đến cuối thế kỷ 20 thì ASEAN gồm mười nước, trong đó Việt Nam là thành viên thứ bảy.

Rất nhiều tổ chức tương tự như vậy cũng đã hình thành trên thế giới. Điều này cho thấy: tư tưởng thiên hạ đại đồng sẽ là lý tưởng phù hợp kỷ nguyên mới. Con người cho tới nay vẫn chưa thực sự đại đồng, nhưng xu thế hiện nay là đang tìm cách đại đồng trong từng khu vực có chung những mối tương quan địa lý, văn hóa, kinh tế, chính trị; phương thức hợp tác và giao tiếp được dùng để giải quyết sự chia rẽ hay đối kháng chính trị, kinh tế, văn hóa giữa các dân tộc trong cùng khu vực.

c. Xu thế đa cực hóa

“Đi đôi với xu thế toàn cầu hóa là sự phân chia thế giới thành nhiều cực (...)”⁽¹¹⁾

Trong thập niên 90 cuối thế kỷ 20, có sự kiện diễn biến rất mau lẹ là các nước Đông Âu sụp đổ, Liên Xô tan rã, cuộc chiến tranh lạnh (*the cold war*) giữa hai cực đối đầu Nga-Mỹ không còn. Xu thế chung của thế giới là đi đến hòa hoãn và phát triển thành đa cực. Thế giới cần hòa bình, mọi nước cần ổn định, loài người cần tiến bộ – đó là xu thế của thế giới ngày mai.⁽¹²⁾

Theo các nhà tương lai học, năm nhân tố chủ yếu thúc đẩy hình thành thế giới đa cực gồm có:

- ① Vị thế siêu cường của Mỹ không còn là độc tôn.
- ② Sự phục hưng của châu Mỹ La Tinh.

⁽¹¹⁾ Hoàng Đình Phu, *sách đã dẫn*, tr. 7.

⁽¹²⁾ *Dự Báo Thế Kỷ 21*. Hà Nội: Nxb Thống Kê, 1998, tr. 788-789.

③ Vị thế của Nhật và châu Âu (chủ yếu là Đức) ngày càng gia tăng.

④ Sự quật khởi của châu Á – một châu Á lỏng lẻo, chia rẽ và nghèo khổ đang mau lẹ chuyển mình để biến thành một châu Á hợp tác, đoàn kết và phồn vinh.

⑤ Vị thế các nước đang phát triển (như Việt Nam) ⁽¹³⁾ được tăng cường trong nhiều vấn đề quốc tế.

Các nhân tố kể trên phát triển đến một mức độ nào đó sẽ làm thay đổi cán cân thế giới, đẩy tới một thế cân bằng tương đối ổn định, và lúc ấy sẽ xuất hiện thế giới đa cực.

d. Tôn giáo tác động vào xu thế khu vực hóa và đa cực hóa

Trong xu thế khu vực hóa, đa cực hóa để các quốc gia và các dân tộc tìm về thế giới đại đồng như thế, các nhà dự báo tương lai đánh giá rất cao vai trò của tôn giáo, bởi vì:

“Hầu hết các tôn giáo đều ủng hộ hòa bình, đoàn kết giữa các dân tộc, lên án chiến tranh và bạo lực.” ⁽¹⁴⁾

“Một trong những đặc điểm của nhân tố tôn giáo là khả năng của nó làm cho các quốc gia và các dân tộc xích lại gần nhau.”

“... tôn giáo là một phương tiện củng cố xã hội nhờ liên kết cá nhân với cộng đồng. Điều này cũng đúng theo nghĩa rộng, đối với các khu vực địa lý riêng biệt và các bộ phận hợp thành cộng đồng thế giới.” ⁽¹⁵⁾

⁽¹³⁾ Khi chiến tranh lạnh giữa hai cực đối đầu Nga-Mỹ không còn, thì như một hệ quả, thuật ngữ các nước Thế Giới Thứ Ba (*the Third World countries*) cáo chung. Để thay thế, người ta tạo nên một thuật ngữ mới – các nước đang phát triển (*developing countries*).

⁽¹⁴⁾ Hoàng Đình Phú, *sách đã dẫn*, tr. 121.

⁽¹⁵⁾ Hoàng Đình Phú, *sách đã dẫn*, tr. 120-121.

Theo giáo lý Cao Đài, tình thương là một trong những khả năng của tôn giáo sẽ góp phần tạo lập thế giới đại đồng. Ông Trơn dạy:

** Lấy đạo đức dung hòa đạo đức,
Lấy tình thương làm mức yêu thương,
Tam Kỳ Phổ Độ chủ trương,
Đại đồng nhân loại là phương cứu nạn.* ⁽¹⁶⁾

** Rải ra khắp đại đồng thế giới,
Tình thương yêu gom lại một bầu,
Mỹ, Phi, Úc, Á như Âu,
Cũng nhân cũng vật cũng màu nước non.* ⁽¹⁷⁾

e. Xu thế khẳng định bản sắc các dân tộc và sắc tộc

“Đi đôi với xu thế toàn cầu hóa là (...) sự khẳng định bản sắc của các dân tộc và các sắc tộc, là yêu cầu ngày càng cao về tôn trọng nhân cách và phẩm giá con người.” ⁽¹⁸⁾

Điều này thoát nghe “*tương chừng như một nghịch lý nhưng thực ra đó là một quá trình mang tính quy luật để mỗi dân tộc, mỗi quốc gia không tự đánh mất mình trong quá trình tắt yếu hội nhập vào xu thế toàn cầu hóa.*” ⁽¹⁹⁾

Suy ra: Nhân loại sẽ *hội nhập*, nhưng sẽ *không hòa tan*, không chấp nhận bất kỳ một hình thức độc tôn nào cả. Như thế, khi người tín đồ Cao Đài nhắc đến hai chữ *quốc đạo* thì đừng bao giờ hiểu rằng *quốc đạo* nghĩa là chỉ có một tôn giáo

⁽¹⁶⁾ Đức Diêu Trì Kim Mẫu Vô Cực Từ Tôn, Huồn Cung Đàn, 14 rạng 15-4 Ất Ty (14-5-1965).

⁽¹⁷⁾ Đức Chúa Ki Tô, Huồn Cung Đàn, 02 rạng 03-12 Ất Ty (24-12-1965).

⁽¹⁸⁾ Hoàng Đình Phú, *sách đã dẫn*, tr. 7.

⁽¹⁹⁾ Hoàng Đình Phú, *sách đã dẫn*, tr. 13.

làm chủ, là chính thống; và cũng đừng bao giờ ngộ nhận rằng phổ độ toàn nhân loại nghĩa là ai ai rồi cũng quy về một tôn giáo duy nhất.

“Xu thế lành mạnh được UNESCO cổ vũ và ngày càng được nhân dân thế giới ủng hộ là đề cao bản sắc văn hóa dân tộc phải đi đôi với thái độ bao dung, trân trọng các giá trị văn hóa của các dân tộc khác, tiếp thu các giá trị văn hóa mang tính thời đại trong một thế giới toàn cầu hóa, làm cho các dân tộc gần gũi nhau hơn, đề xướng một nền văn hóa hòa bình chứ không phải một nền văn hóa chiến tranh, cùng nhau giải quyết những vấn đề lớn đang được đặt ra một cách gay gắt cho toàn nhân loại.”⁽²⁰⁾

Suy ra: đạo Cao Đài với bản chất bao dung (*tolerance*) sẵn có rất phù hợp với xu thế này. Cần nhấn mạnh và phát huy để tinh thần bao dung của đạo Cao Đài không chỉ là tình cảm mà là hành vi, là hơi thở tự nhiên của cuộc sống.

f. Trung tâm của thế giới sẽ là châu Á - Thái Bình Dương

Cuối thế kỷ 20, John Naisbitt nhận định rằng: *“Cho đến những năm 90, mọi thứ đều xoay quanh phương Tây. Phương Tây định ra các luật lệ. Nhưng giờ đây, những người châu Á đang sáng tạo ra những quy luật riêng cho họ và chẳng bao lâu nữa cũng sẽ quyết định cuộc chơi.”*⁽²¹⁾

Do đó, John Naisbitt lưu ý: *“Sự phát triển toàn cầu quan trọng nhất của thập niên 90 và đầu thế kỷ 21 là sự hiện đại hóa châu Á. Nhưng không được suy nghĩ việc hiện đại hóa châu Á theo nghĩa Tây phương hóa châu Á, mà đây là hiện đại hóa châu Á theo cách của châu Á. Sự hiện đại hóa châu Á*

cũng là sự trỗi dậy của lương tâm châu Á.”⁽²²⁾

Một lần nữa, John Naisbitt nhấn mạnh: *“Ngày nay xu hướng toàn cầu đang buộc chúng ta giáp mặt với một thực tại là sự trỗi dậy của phương Đông. Chúng ta đang chuyển động theo hướng Á châu hóa thế giới. Trục ảnh hưởng toàn cầu đã chuyển từ phương Tây sang phương Đông. Châu Á có lúc từng là trung tâm của thế giới và ngày nay trung tâm thế giới lại đang trở về châu Á.”*⁽²³⁾

John Naisbitt nói châu Á, phạm vi hãy còn rộng. *“Nhiều nhà phân tích chiến lược cho rằng thế giới đang bước sang kỷ nguyên châu Á - Thái Bình Dương. Thế kỷ 19 là thế kỷ của châu Âu, thế kỷ 20 là thế kỷ của Hoa Kỳ, còn thế kỷ 21 sẽ là thế kỷ châu Á - Thái Bình Dương.”*⁽²⁴⁾

“Quá trình toàn cầu hóa (...) sẽ làm cho thế kỷ 21, thế kỷ châu Á - Thái Bình Dương trở thành thế kỷ vĩ đại của sự dung hợp văn hóa Đông Tây, của nền văn minh châu Á - Thái Bình Dương. Đó là xu thế không thể cưỡng lại của lịch sử và văn minh nhân loại.”⁽²⁵⁾

g. Việt Nam trong kỷ nguyên châu Á - Thái Bình Dương

Việt Nam không những nằm ở châu Á - Thái Bình Dương mà còn là ngã tư giao lưu văn hóa từ Đông sang Tây.

Trong suốt hai thiên niên kỷ trước, Việt Nam chính là nơi đã có dịp trải nghiệm bằng sinh mệnh của chính dân tộc mình tất cả các chủ nghĩa và học thuyết chính trị, kinh tế, triết học, tôn giáo trên thế giới từ cổ chí kim, từ Đông qua Tây (*vạn*

⁽²²⁾ John Naisbitt, *sách đã dẫn*, tr. 12-14.

⁽²³⁾ John Naisbitt, *sách đã dẫn*, tr. 16.

⁽²⁴⁾ Hoàng Đình Phu, *sách đã dẫn*, tr. 30.

⁽²⁵⁾ Hoàng Đình Phu, *sách đã dẫn*, tr. 32.

⁽²⁰⁾ Hoàng Đình Phu, *sách đã dẫn*, tr. 14.

⁽²¹⁾ John Naisbitt, *Những Xu Hướng Lớn Của Châu Á Làm Thay Đổi Thế Giới*. Nxb Trẻ, 1998, tr. 11.

pháp). Chính vì thế, Việt Nam mới hội đủ điều kiện để tổng hợp vạn pháp, và sẽ là trung tâm thế giới. Ôn Trên dạy:

* *Nay trung ương sắc huỳnh mô kỹ,
Rún năm châu bốn biển là đây.
Cũng nơi vạn pháp phô bày,
Tam Tông quy lập Cao Đài chơn tông.*⁽²⁶⁾

* *Trời Nam gây dựng đạo màu,
Phục hồi chánh pháp năm châu đồng hành.*⁽²⁷⁾

* *Tam Kỳ mở hội Long Hoa,
Kết tinh kim cổ, dung hòa Đông Tây.*⁽²⁸⁾

Suy như vậy, đối chiếu với các dự báo trên thế giới, người tín đồ Cao Đài cũng cố thêm đức tin rằng khi Thượng Đế chọn Việt Nam làm cái nôi của Cao Đài để dọn sẵn con đường khai mở kỷ nguyên thánh đức Tam Kỳ Phổ Độ cho toàn nhân loại, thì tất cả sự vận trù ấy đều là Thiên cơ, và chính trong lúc này đây những trí tuệ lớn trên thế giới cũng đang phần nào soi chiếu giúp cho người đạo Cao Đài hiểu thêm khả năng hiện thực của Thiên cơ ấy.

h. Đạo Nho trong kỷ nguyên châu Á - Thái Bình Dương

Khi kỷ nguyên châu Á - Thái Bình Dương trở thành kỷ nguyên ngoạn mục của sự dung hợp văn hóa Đông Tây thì hệ tư tưởng (ý thức hệ, *ideology*) nào sẽ có khả năng đảm đương được việc xây dựng kỷ cương của thế giới mới?

Cuối thế kỷ 20, Viện Trường Viện Thần Học Thiên Chúa

⁽²⁶⁾ Đức Ngô Minh Chiêu, thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 01-3 Bình Ngo (22-5-1966).

⁽²⁷⁾ Đức Trần Hưng Đạo, Thiên Lý Đàn, 10-4 Ất Ty (10-5-1965).

⁽²⁸⁾ Đức Bảo Pháp Chơn Quân Huỳnh Chơn, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 01-8 Kỷ Mùi (21-9-1979).

Giáo tại Đại Học Boston là Giáo Sư Robert C. Neville rất tin tưởng vào khả năng tích cực của Nho học. “*Ông cho rằng Nho học là loại triết học trí tuệ có một giá trị phổ biến và sinh mệnh thực sự, hoàn toàn có thể thể hiện và vận dụng vào trong cuộc sống, văn hóa của xã hội phương Tây...*”⁽²⁹⁾

Một đồng sự của Neville tại Đại Học Boston, Hoa Kỳ, là Giáo Sư John Berthrong nhấn mạnh: “*Nho học trên thực tế đã trở thành một phong trào có tính quốc tế. Nho học sẽ tìm được quần chúng mới trên thế giới giữa hai bờ Thái Bình Dương và Bắc Đại Tây Dương, cũng sẽ trở thành một phương diện của tư tưởng châu Âu.*”⁽³⁰⁾

Những dự báo về vai trò của đạo Nho trong thiên niên kỷ thứ ba giúp cho chúng ta hiểu rõ thêm vì sao khi mở đạo Cao Đài thì Đức Chí Tôn lại lấy Nho Tông làm cơ chuyển thế trong Tam Kỳ Phổ Độ. Những dự báo ấy cũng giúp chúng ta hiểu thêm lời dạy của Đức Giáo Tông Vô Vi Lý Thái Bạch:

*Nho Tông chuyển thế lập trường,
Tam Tông quy hiệp mở đường chân tông.
Dem nhân loại đại đồng cứu thế,
Lập Cao Đài bảo vệ đời nguy.
Ban trao sứ mạng Tam Kỳ,
Cho người tâm đức kiên trì hoằng khai.*⁽³¹⁾

i. Văn hóa mới và con người mới trong thiên niên kỷ thứ ba

Theo *Dự Báo Thế Kỷ 21*,⁽³²⁾ trong thiên niên kỷ thứ ba:

⁽²⁹⁾ Phùng Lâm chủ biên, *Đại Dự Đoán Trung Quốc Thế Kỷ 21*. Hà Nội: Nxb Văn Hóa - Thông Tin, 1999, tr. 859.

⁽³⁰⁾ Phùng Lâm chủ biên, *sách đã dẫn*, tr. 858-859.

⁽³¹⁾ Chí Thiệu Đàn, 27-8 Nhâm Tý (04-10-1972).

⁽³²⁾ Hà Nội: Nxb Thống Kê, tháng 6-1998.

- Trái đất sẽ có một cảnh quang mới, thật trắng lẹ và đa sắc (tr. 17).

- Toàn cầu sẽ có bước nhảy vọt về khoa học kỹ thuật (tr. 18). Khoa học tự nhiên, công trình kỹ thuật giao thoa, dung hợp và tổng hòa với khoa học nhân văn, khoa học xã hội (tr. 19).

- Nền kinh tế toàn cầu hóa đan xen với nền kinh tế khu vực hóa (tr. 32) sẽ biến trái đất thành thôn xóm, quốc gia trở thành gia đình đơn nguyên của trái đất, con người trở thành công dân của trái đất (tr. 33).

- Như vậy, do tác động của khoa học kỹ thuật và kinh tế mà sẽ có những thay đổi rất lớn trong sinh hoạt xã hội (tr. 49).

Con người sống trong điều kiện thay đổi như thế buộc phải có một nền văn hóa mới với những tiêu chí mới.

Giá trị văn hóa mới sẽ được xây dựng lại để chống sự đục khoét của thương mại đối với văn hóa, đa dạng hóa hình thức văn hóa, biến đổi quan điểm thẩm mỹ của con người, đổi mới ý thức và hành vi văn hóa (tr. 39).

Nền văn hóa mới sẽ tích cực định hướng mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên. Đây là nền văn hóa toàn cầu, quan tâm đến hoàn cảnh xã hội toàn cầu, môi trường sinh thái, môi trường nhân văn, nhấn mạnh tư duy tổng thể của ngôi làng trái đất (tr. 56).

Nền văn hóa mới bao trùm cả lĩnh vực xã hội và lĩnh vực khoa học kỹ thuật, chứa đựng cả văn minh vật chất và văn minh tinh thần trong xã hội loài người, tập trung trí tuệ phát triển sự sinh tồn cũng như sự tự nhận biết về bản thân mình của con người (tr. 56).

Trong thánh giáo Cao Đài, Ôn Trên đã cho thấy viễn cảnh ấy từ trước:

“Khoa học sẽ giúp cho con người đạt địa. Đạo lý sẽ giúp con người thông thiên. Thế gian sẽ không còn là biển khổ sông mê.”⁽³³⁾

Con người mới của nền văn hóa mới ấy sẽ là con người toàn diện. Ôn Trên dạy:

** Ngoài xây thế đạo đại đồng,
Trong cùng trời đất cộng thông cơ mầu.*⁽³⁴⁾

** Khi khoa học bắt tay tôn giáo,
Chính trị cùng noi đạo thánh hiền.
Là ngày thế giới ổn yên,
Nhơn gian bá tánh phỉ nguyện ước ao.
Đó là đêm trăng sao rực rỡ,
Đó cũng ngày muôn thuở đợi mong.
Tự do hạnh phúc đại đồng,
Phóng tâm tư tưởng huyền thông cõi ngoài.*⁽³⁵⁾

j. Khoảng trống mênh mông về ý thức hệ trên toàn cầu

Tại Hà Nội, đúc kết công trình nghiên cứu khoa học do Viện Nghiên Cứu Chiến Lược Và Chính Sách Khoa Học Và Công Nghệ thực hiện, Hoàng Đình Phú viết:

“Về mặt ý thức hệ, sự suy thoái tạm thời của chủ nghĩa xã hội, sự bất lực của các lý thuyết cũ và mới của nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa, sự phê phán tư tưởng duy khoa học và tư tưởng kỹ trị đang tạo ra những khoảng trống mênh mông làm trở dậy với một tính năng động mới những trào lưu tôn

⁽³³⁾ Đức Cao Triều Phát, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-7 Giáp Dần (01-9-1974).

⁽³⁴⁾ Đức Lý Giáo Tông, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-01 Tân Dậu (19-02-1981).

⁽³⁵⁾ Đức Trần Hưng Đạo, *Thánh Truyền Trung Hưng*.

giáo truyền thống bị kìm hãm trong một thời gian dài và làm xuất hiện vô vàn các giáo phái mới kỳ dị làm rối ren đời sống tâm linh của con người và sự an ninh của xã hội.”⁽³⁶⁾

Đầu thế kỷ 21, sẽ có khoảng trống ý thức hệ trên phạm vi toàn cầu. Khi ấy các truyền thống tâm linh trong một thời gian lâu dài bị kìm hãm sẽ trỗi dậy. Như cái lò xo càng nén chặt thì lúc buông ra càng bung mạnh, tâm linh bị đè nén càng lâu thì khi buông ra sự đòi hỏi càng thêm mãnh liệt. *Thiên niên kỷ thứ ba sẽ là kỷ nguyên của nhu cầu tâm linh.*

Dự báo này khiến người ta nhớ tới nhà văn, chánh trị gia Pháp ANDRÉ MALRAUX (1901-1976). Năm 1955, khi kết thúc phần trả lời phỏng vấn một nhà báo Đan Mạch, André Malraux đã nói như sau:

“*Le 21^{ème} siècle sera spirituel ou ne sera pas.*” – Thế kỷ 21 sẽ là tâm linh, hoặc sẽ chẳng là gì cả!⁽³⁷⁾

Tuy nhiên, nhu cầu tâm linh càng lớn thì càng phải cảnh giác trước sự chen chân giành giật của nhiều giáo phái bàng môn tả đạo. Khi mới mở đạo Cao Đài, Đức Chí Tôn cũng sớm cho biết như vậy. Chủ Nhật, 22-8-1926 (15-7 Bính Dần), Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế dạy:

“*Buổi Bạch Ngọc Kinh và Lôì Âm Tự lập pháp Tam Kỳ Phổ Độ, Quỷ Vương đã khởi phá khuấy chơn đạo. Đến danh Ta nó*

⁽³⁶⁾ Hoàng Đình Phu, *sách đã dẫn*, tr. 8.

⁽³⁷⁾ Câu nói trên có khi được nhắc lại hơi khác một chút: “*Le 21^{ème} siècle sera religieux, ou ne sera pas!*” (Thế kỷ 21 sẽ là tôn giáo, hoặc sẽ chẳng là gì cả!)

Dẫn theo Fr. Michel Van Aerde, OP, tham luận theo lời mời của Lions Club de Toulouse-Languedoc, tháng 01-2003. (http://biblio.domuni.org/articlesphilo/21es/21es.htm#P95_12958)

còn mượn, duy ngại Ta nó chẳng dám ngồi mà thôi.”⁽³⁸⁾

Theo lời Thầy, Quỷ Vương còn “*hiệp tam thập lục động đối gọi tam thập lục thiên. Các tên chư Thần Thánh Tiên Phật bị mạo nhận mà lập nên tả đạo.*”⁽³⁹⁾

Alvin Toffler, tác giả *Làn Sóng Thứ Ba* (The Third Wave, 1992), cho rằng chính vì bế tắc ý thức hệ mà một số trí thức, nhà giàu sẵn sàng ngã theo tả đạo bàng môn.

Hoàng Đình Phu giải thích đây là hậu quả của một thời gian dài người ta quay lưng với tôn giáo; đến khi khủng hoảng ý thức hệ, muốn tìm về tâm linh thì không còn khả năng phân biệt chánh tà...⁽⁴⁰⁾

Thực trạng này cho thấy trong thiên niên kỷ thứ ba, sự phục hưng chánh pháp là xu thế nhất định, là Thiên cơ đã định. Các tôn giáo cứu thế như Cao Đài sẽ phải hết sức thi thố năng lực sở hữu của mình, đồng thời cũng phải vô cùng gian nan trước vấn đề bàng môn tả đạo thi nhau mọc lên như nấm sau mưa. Nói cách khác, sẽ phải rất gian nan, sinh tử để thực thi sứ mạng trung hưng chánh pháp như Đức Trần Hưng Đạo đã dạy:

*Quy vạn giáo hưng truyền chánh pháp,
Hiệp vạn dân thiết lập đại đồng.
Nhất tề thiên hạ thi công,
Ám no vui khỏe thỏa lòng tự do.
Bạc thánh thiện đang lo việc nước,
Người tài năng đưa bước văn minh.
Bốn phương cộng hưởng thanh bình,*

⁽³⁸⁾ *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*, Bồn thứ Nhứt. Sài Gòn 1928, tr. 34.

⁽³⁹⁾ *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*, Bồn thứ Nhứt. Sài Gòn 1928, tr. 34.

⁽⁴⁰⁾ Hoàng Đình Phu, *sách đã dẫn*, tr. 123.

Tinh thần vật chất phục sinh đồng đều.⁽⁴¹⁾

4. CON CHỐT SANG SÔNG

Những thay đổi trên toàn cầu đang vận hành với một siêu tốc chưa từng thấy. Bước sang thế kỷ 21 có nghĩa là bước qua cái ngưỡng của thiên niên kỷ thứ ba.⁽⁴²⁾

Cùng với thế giới và cùng với dân tộc Việt Nam, người Cao Đài sống trong thế kỷ 21 tức là có điều kiện để được giáp mặt một thời đại ngoạn mục mà các nhà tương lai học dự báo là chưa từng có trong lịch sử nhân loại.

Từ khai Đạo đến nay, người Cao Đài luôn được thánh giáo soi dẫn, luôn được nuôi dưỡng một tình cảm lãng mạn thiêng liêng với rất nhiều tiên tri về sứ mệnh Đại Đạo trước dân tộc và nhân loại.

Bằng đức tin, người Cao Đài từ buổi sơ khai nền Đạo đã sớm nhận thức rằng trách nhiệm lịch sử đặt trên vai dân tộc chẳng hề nhỏ. Với lòng tự tin vào giáo lý Cao Đài, tự tin vào tiền đồ tươi sáng của dân tộc mình, người Cao Đài Việt Nam cần phải kiên trì tìm tòi một phương thức độc đáo khai thác hệ tư tưởng Cao Đài, vận dụng một cách thông minh, hợp thời vào những vấn đề cốt tủy của nhân loại trong thiên niên kỷ thứ ba. Đức Cao Đài dạy:

*Hào Nam bang! Hào Nam bang!
Tiểu quốc táo khai hội niết bàn.*

⁽⁴¹⁾ *Thánh Truyền Trung Hưng.*

⁽⁴²⁾ Theo các nhà tương lai học, việc học tập ở thế kỷ 21 càng trở nên quan trọng hơn bao giờ hết. Học tập bằng cách nghiêm túc lắng nghe, chăm chú nhìn và đọc, suy nghiệm, tiếp thu cái mới. Hãy quan tâm theo dõi thời đại này, chú ý theo dõi xã hội này, ngõ hầu kịp thời cảm thụ được, có được tư duy mới và linh cảm mới.

*Hạnh ngộ Cao Đài truyền Đại Đạo,
Hào hùng Ngọc Đế ngự trần gian.*⁽⁴³⁾

Ngay từ khi khai Đạo, Ôn Trên đã rất nhiều lần cho biết mối liên hệ giữa sứ mạng đạo Cao Đài với tương lai tươi sáng của dân tộc Việt Nam và vai trò đạo đức của con Rồng cháu Tiên trên trường thế giới. Đức Cao Đài dạy:

*Trước xây đắp Cao Đài thánh đức,
Dụng Nam bang làm nước phóng khai.
Dân Nam sứ mạng Cao Đài,
Năm châu bốn bể hòa hài từ đây.*

Dĩ nhiên sẽ không tránh khỏi đôi lúc có người thiếu tự tin, hoặc mặc cảm tự ti khi lấy hiện trạng của Đạo nhà là một tôn giáo trẻ và đem hiện trạng tiểu quốc của dân tộc để so sánh với các tôn giáo lâu đời và các cường quốc trên thế giới. So sánh như vậy, không tránh khỏi có người cảm thấy Thiên cơ mà Đức Thượng Đế Cao Đài đặt lên vai dân tộc Việt Nam hình như khó có thể thực thi.

Thượng Đế không bao giờ gieo giống trên tảng đá. Nhưng với ai chưa đủ đức tin, hãy thử nghĩ đến *phép chơi cờ tướng* mà các nhà dự báo Trung Quốc⁽⁴⁴⁾ đã lưu ý. Thật vậy, trong phép chơi cờ tướng, con chốt qua sông cũng có thể ăn được con tướng.

- Hình ảnh *con chốt tầm thường khi chưa qua sông* là cái thực trạng hạn chế tạm thời và trước mắt của một tôn giáo mới, còn trẻ; của một dân tộc trên một lãnh thổ không lớn lắm vừa mới thoát qua một trăm năm chiến tranh tàn khốc và đang tiếp tục tìm cách thoát ra khỏi bóng đen nghèo nàn, lạc hậu.

⁽⁴³⁾ *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*, Bồn thứ Nhứt. Sài Gòn 1928, tr. 86.

⁽⁴⁴⁾ *Dự Báo Thế Kỷ 21*. Hà Nội: Nxb Thống Kê, tháng 6-1998.

- *Con tước* là mục tiêu kỳ vĩ mà Ôn Trên đã khai thị và đặt để cho dân tộc và tôn giáo dân tộc.

- *Con sông* là giới hạn nội tại mà người Cao Đài, người Việt Nam phải bằng nội lực tự mình vượt qua. Con chốt Việt Nam mà qua sông được rồi thì chắc chắn lời tiên tri của Đức Cao Đài Tiên Ông năm Bính Dần (1926) sẽ là hiện thực:

*Một nước nhỏ nhen trong vạn quốc,
Ngày sau làm chủ mới lạ kỳ.*

Khẳng định đức tin đó, bài nói chuyện này xin tạm coi như là ít nhiều sẻ chia, đồng cảm với những người con áo trắng khi bước vào một kỷ nguyên mới của dân tộc trong âm hưởng thiêng liêng của dòng thánh giáo:

*Việt Nam ơi! Hồng Lạc ơi!
Đức Thượng Đế, đấng Cao Đài đang ngự trị.⁽⁴⁵⁾*

Phú Nhuận, ngày 27-10-2000

⁽⁴⁵⁾ Đức Chúa Ki Tô, thánh thất Bàu Sen, 23-11 Đinh Mùi (24-12-1967).

Góp Phần Nghiên Cứu Nho Tông Chuyển Thế *Suy Nghĩ Và Tìm Một Tiếp Cận*

Nho Tông chuyển thế là một đề tài lớn, quan hệ mật thiết với việc nghiên cứu và thực thi mục đích thế đạo đại đồng⁽¹⁾ của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.⁽²⁾ Bốn vấn đề sau đây có tính cách trao đổi ý kiến; một số trong đó nhằm cung cấp thông tin; đôi khi chỉ mới nêu câu hỏi, chưa có một xác quyết.

VẤN ĐỀ 1: Ba khó khăn và ba thuận lợi khi nghiên cứu *Nho Tông chuyển thế*

I. BA KHÓ KHĂN

1. Vào thế kỷ 19, Việt Nam với nền tảng Nho học làm tư tưởng chủ đạo, cũng như ở Trung Quốc và một số nước đồng văn trong khu vực Đông Á, đã không đương cự nổi văn minh kỹ thuật phương Tây, hậu quả thảm khốc là mất nước; khi ấy Nho Giáo bị lên án là một trong những nguyên nhân làm cho

⁽¹⁾ *Thế đạo*: đường đời, phương diện cuộc đời, bao gồm các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa... Phân biệt với *nhân đạo*: đạo làm người, bao gồm các giá trị đạo đức hay luân lý (*moral values*). *Thế đạo đại đồng*: đại đồng trong cõi thế gian.

⁽²⁾ *Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ*, gọi tắt là đạo Cao Đài. *Cao Đài*: ① là cái đài cao; là đỉnh đầu, nê huòn (hoàn) cung; ② là tên tạm mượn (*tá danh*) của Đức Thượng Đế, nói tắt của hồng danh *Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát*.

dân trí lạc hậu, đất nước suy vong. Mãi đến nửa sau thế kỷ 20, ở Việt Nam và một vài nước đồng văn, Nho Giáo vẫn còn có khi bị phê phán là chướng ngại cản bước tiến bộ của đất nước trong việc phát triển để hội nhập với thế giới. Trong hoàn cảnh Nho Giáo còn tiếp tục bị phủ định như vậy, lại muốn tìm giá trị tích cực của Nho Giáo để ứng dụng vào thời đại mới, quả thực chẳng khác gì làm công việc lợi nước ngược dòng. Đó là khó khăn thứ nhất.

2. Vào cuối thế kỷ 20, khi vốn Hán học hầu như không còn, sau hàng thế kỷ gần như bị đứt nguồn cảm hứng từ Nho Giáo, người thời nay mới bắt đầu tìm đọc lại vốn cổ của tiền nhân, vẫn còn chưa hết lạ lẫm từ phong cách ngôn ngữ đến khái niệm tư duy, hãy còn xa lạ khi lạc trong bối cảnh không gian và thời gian của một quá khứ mênh mông. Với tất cả ngần ấy cản trở, làm sao tìm thấy được dễ dàng chân tướng của Nho Giáo để giải đáp cho vấn đề *Nho Tông chuyển thế* của mình. Đó là khó khăn thứ hai.

3. Ở Việt Nam ngày nay, có thể khắc phục được phần nào khó khăn về văn tự, bằng cách tham khảo các sách dịch, biên khảo nghiêm túc về Nho Giáo. Như thế có thể giúp người nay hiểu rõ lịch sử Nho Giáo, các trường phái Nho Giáo, tư tưởng Khổng-Mạnh và các đại Nho đời sau, từ học thuyết chính thống cho đến những biến thái. Kho kiến thức phong phú ấy rõ ràng rất quý báu, giúp trang bị một căn bản học thuật Nho Giáo. Tuy nhiên, kiến thức ấy vẫn chỉ là vốn cổ, và nếu *chỉ* khai thác Nho Giáo trên cơ sở đó (để nghiên cứu Nho Tông chuyển thế) có lẽ chẳng khác gì “*Đập cổ kính ra tìm lấy bóng...*”⁽³⁾

Ở Việt Nam ngày nay, nếu không làm, hãy còn thiếu nhiều

công trình nghiên cứu tường tận giá trị thực tiễn của Nho Giáo và khả năng thích nghi của đạo Nho trong hoàn cảnh một nước trên đường công nghiệp hóa; nếu có, hầu như chỉ mới khởi phát gần đây, hãy còn khá lẻ tẻ, và cũng còn đang phải dò dẫm rất thận trọng. Đó là khó khăn thứ ba.

Nhìn bao quát có ba khó khăn nói trên, nhưng trong những khó khăn ấy vẫn có ba hoàn cảnh thuận lợi cho người nghiên cứu.

II. BA HOÀN CẢNH THUẬN LỢI

1. Việt Nam đã qua thời chiến tranh, công cuộc đổi mới đưa đất nước phát triển với nhiều thành tựu ở nhiều mặt. Về văn hóa, mấy năm gần đây, một số nhà nghiên cứu trong nước đã ấn hành vài quyển sách khá dày dặn, phân giải vấn đề Nho Giáo khá tinh tế. Thỉnh thoảng, có thể gặp ở những trang sách nào đó không phải là sự quyết liệt phủ định Nho Giáo, mà có khi vạch ra cả hai mặt tiêu cực và tích cực của Nho Giáo. Trên toàn cảnh chung quốc gia, đó là hoàn cảnh thuận lợi thứ nhất.

2. Giáo lý Cao Đài có thể giúp người nghiên cứu Cao Đài một *định hướng căn bản* cho nhận thức khi tiếp cận vấn đề Nho Giáo.

Do điều kiện lịch sử, tuy thánh ngôn, thánh giáo Cao Đài chưa được kết tập đầy đủ và giáo lý chưa được hệ thống hóa hoàn chỉnh, chưa được xiển dương cho xứng tầm Đại Đạo; tuy người nghiên cứu chỉ mới có trước mắt những nét vạch tổng quát thay cho một tấm bản đồ chi tiết, nhưng với những gì hiện có, cũng có thể thấy rằng trong bối cảnh riêng cộng đồng Cao Đài, đó chính là hoàn cảnh thuận lợi thứ hai.

3. Việt Nam ngày nay đang chuyển mình phát triển trên đường công nghiệp hóa và hiện đại hóa; ngoài một quá khứ

⁽³⁾ Vua Tự Đức (1829-1883) khóc Bằng Phi.

chiến tranh với những hậu quả còn phải khắc phục, Việt Nam – nguyên là nước nông nghiệp – còn một di sản văn hóa Nho Giáo lâu đời; di sản này có cản trở tiến trình công nghiệp hóa phát triển kinh tế Việt Nam hay không?

Trong khu vực Đông Á, đã có Nhật Bản, Hàn Quốc, Hương Cảng, Đài Loan, và Singapore đi trước, đạt nhiều thành tựu trong công nghiệp hóa, canh tân đất nước mà không hoàn toàn bỏ qua di sản Nho Giáo của dân tộc họ. Về mặt kinh tế, Nhật Bản là một nước đã phát triển; những đảo còn lại được mệnh danh là bốn con rồng nhỏ trong khu vực.⁽⁴⁾ Với bối cảnh quốc tế như thế, đó là hoàn cảnh thuận lợi thứ ba.

VẤN ĐỀ 2: Di sản Nho Giáo có cản trở tiến trình công nghiệp hóa phát triển kinh tế đất nước không? (Tham khảo E. F. Vogel)

Như đã nêu ở cuối *Vấn đề 1* (hoàn cảnh thuận lợi thứ ba): Việt Nam thời hậu chiến đang phát triển và chuyển mình về công nghiệp hóa và hiện đại hóa; ngoài một quá khứ chiến tranh với những hậu quả còn phải khắc phục, Việt Nam – nguyên là nước nông nghiệp – còn một di sản văn hóa Nho Giáo lâu đời, di sản này có cản trở tiến trình công nghiệp hóa phát triển kinh tế Việt Nam không?

Nghiên cứu *Nho Tông chuyển thế* cần lưu ý câu hỏi này. Cho dù người nghiên cứu không là nhà kinh tế, đề tài nghiên cứu là thuần túy triết giáo, nhưng khi đặt *Nho Tông chuyển thế* trong mối quan hệ mật thiết với mục đích thế đạo đại đồng của đạo Cao Đài, thì không thể bỏ qua khía cạnh phát triển kinh tế, hiện đại hóa, công nghiệp hóa đất nước. (Cũng như nhà kinh tế khi nghiên cứu vấn đề phát triển kinh tế của một nước, họ vẫn không bỏ qua khía cạnh văn hóa – tín ngưỡng

⁽⁴⁾ Cũng gọi là các *NIC's* (*New Industrialized Countries*).

của nước đó.)

Về mối quan hệ giữa di sản Nho Giáo với phát triển kinh tế trong thời đại công nghiệp ngày nay, nghiên cứu *Nho Tông chuyển thế* cần lưu tâm đến nguồn tài liệu tham khảo liên quan đến quá trình phát triển kinh tế của Nhật Bản và bốn con rồng Đông Á (Hàn Quốc, Hương Cảng, Đài Loan, và Singapore).

Các nhà nghiên cứu kinh tế uy tín trên thế giới ngày nay nhìn nhận rằng những hòn đảo đó đã thành công ngoạn mục trong công nghiệp hóa canh tân đất nước mà không hoàn toàn bỏ qua di sản Nho Giáo của dân tộc họ. Minh họa đôi chút về vấn đề này, có thể nêu ra công trình nghiên cứu của Ezra F. Vogel (Mỹ): *The Four Little Dragons: the Spread of Industrialization in East Asia*, Viện Đại Học Harvard xuất bản, 1994.⁽⁵⁾

EZRA F. VOGEL tốt nghiệp Viện Đại Học Ohio Wesleyan (1950), phục vụ hai năm quân ngũ. Sau đó học xã hội học tại Phân Khoa Các Quan hệ Xã Hội (*the Department of Social Relations*) thuộc Viện Đại Học Harvard, và lấy tiến sĩ (1958). Sau đó qua Nhật hai năm, học tiếng Nhật và đi phỏng vấn các gia đình trung lưu để nghiên cứu. Là phó giáo sư (*assistant professor*) tại Viện Đại Học Yale (1960-1961). Làm nghiên cứu sinh sau tiến sĩ (*post-doctoral fellow*) học

⁽⁵⁾ Ngoài E. F. Vogel, khi nghiên cứu mối quan hệ giữa Nho Giáo và tiến trình phát triển kinh tế, có thể tham khảo thêm Tu Wei-ming, *Confucian Ethics Today: the Singapore Challenge (Luân Lý Nho Giáo Ngày Nay: Sự Thách Thức Đối Với Singapore)*, Curriculum Development Institute of Singapore & Federal Publications, 1983. Trong đó, cần chú ý Phần Một, Chương Ba: *Confucian Ethics and the Entrepreneurial Spirit in East Asia (Luân Lý Nho Giáo Và Óc Kinh Doanh ở Đông Á)*.

tiếng Hoa và sử Trung Quốc tại Harvard (1961-1964). Làm giảng sư (*lecturer*) tại Harvard từ 1964, thăng giáo sư (1967), rồi nghỉ hưu (30-6-2000).

Vogel kế nhiệm John Fairbank làm giám đốc thứ hai của Trung Tâm Nghiên Cứu Đông Á (*East Asian Research Center*) của Harvard (1972-1977). Làm chủ tịch Hội Đồng Nghiên Cứu Đông Á (*the Council for East Asian Studies*, 1977-1980). Làm giám đốc Chương Trình Quan Hệ Mỹ-Nhật (*the Program on US-Japan Relations*) tại Trung Tâm Quốc Tế Sự Vụ (*the Center for International Affairs*, 1980-1987) và là giám đốc danh dự ở đó từ 1987. Làm giám đốc Trung Tâm Fairbank (1995-1999), giám đốc đầu tiên của Trung Tâm Châu Á (*the Asia Center*, 1997-1999). Làm chủ tịch một ủy ban của Harvard phụ trách tiếp đón Chủ Tịch Giang Trạch Dân (1998), v.v...

• TÓM TẮT QUAN ĐIỂM CỦA EZRA F. VOGEL

Theo E. F. Vogel, sau khi bại trận trong Thế Chiến thứ Hai, Nhật Bản tiếp tục công nghiệp hóa với một tốc độ chưa từng thấy trên thế giới. Ba thập niên sau đó, Đài Loan, Hàn Quốc, Hương Cảng và Singapore hiện đại hóa với tốc độ còn mau hơn nữa. Những hòn đảo này chiếm chưa tới 1% diện tích trái đất, chưa bằng 4% dân số thế giới, vậy mà họ trở thành một trong ba cột trụ chánh của thế giới công nghiệp hiện đại, sánh vai cùng Tây Âu và Bắc Mỹ. Theo Vogel, Nhật và bốn con rồng nhỏ đã hoàn thành tiến trình trở thành những xã hội công nghiệp, và đây là thời kỳ có một không hai ở Đông Á mà thành tựu của họ ảnh hưởng cả thế giới.

Vogel hỏi: Bằng cách nào Nhật và bốn con rồng nhỏ ấy chuyển hóa công nghiệp được mau chóng như vậy? Tại sao mấy hòn đảo rải rác quanh vùng Đông Á đạt được sức mạnh thần kỳ trong thời đại này ngoạn mục đến thế? Vì sao những

hòn đảo này thực hiện thành công bước đột phá công nghiệp trong khi những nước khác trong khu vực không làm được?

Để giải thích, Vogel nêu ra một đặc điểm chung cho năm nước Đông Á – *Bởi vì tất cả năm xã hội này cùng chia sẻ một di sản Nho Giáo, chìa khóa thành công của họ nằm trong Nho Giáo; nền luân lý Nho Giáo đã góp phần nuôi dưỡng công cuộc công nghiệp hóa ở Đông Á.*⁽⁶⁾

Nói Nho Giáo là chìa khóa thành công cho năm xã hội công nghiệp đó, Vogel cũng không quên rằng *từ cuối thập niên 40 và trong thập niên 50 của thế kỷ 20 đã có nhiều tranh cãi chẳng phải hoàn toàn thiếu căn cứ khi cho rằng di sản Nho Giáo đã làm trì trệ việc canh tân và làm các nước Đông Á tụt hậu quá xa so với phương Tây.*⁽⁷⁾

Nói Nho Giáo là chìa khóa thành công cho năm xã hội công nghiệp đó, Vogel cũng nhận xét rằng *ở phạm vi Đông Á, những đột phá trong công nghiệp hóa đã diễn ra không phải ở các trung tâm lớn của đạo Khổng hay giữa các nhóm thâu nhuần Nho Giáo nhiều nhất; vì vậy ở Đông Á công nghiệp hóa phát triển ở các nước cách xa trung tâm Nho Giáo truyền thống, và những thành công đã diễn ra không phải dưới những chính thể, những nhà cầm quyền theo phong cách Nho*

⁽⁶⁾ “Because all five of these societies share a Confucian heritage, (...) the key to success lies in Confucianism. (...) a Confucian ethic that helped breed East Asian industrialization.” Ezra F. Vogel. *The Four Little Dragons: the Spread of Industrialization in East Asia*. Harvard University 1994, tr. 83.

⁽⁷⁾ “We must also recall from the late 1940s and the 1950s the many arguments, not entirely without foundation, that the Confucian heritage retarded modernization and left East Asian nations far behind the West.” Vogel, sách đã dẫn, tr. 84.

Giáo cổ điển.⁽⁸⁾

Theo Vogel, sau Thế Chiến thứ Hai, đã có năm nhân tố thuộc về hoàn cảnh – viện trợ Mỹ, trật tự [xã hội] cũ bị phá hủy, ý thức về tính cấp bách chính trị và kinh tế, lực lượng lao động dồi dào và năng nổ, và sự quen thuộc với mô hình thành công của Nhật – cùng hội tụ để tạo thuận lợi mạnh mẽ cho các nước Đông Á.⁽⁹⁾ Nhưng, Vogel nêu câu hỏi, với những nhân tố hoàn cảnh thuận lợi cho công nghiệp hóa như thế, tại sao người ta lại phải xem xét đến truyền thống? Câu trả lời vẫn tất là chỉ riêng các nhân tố hoàn cảnh mà thôi thì không giải thích được tất cả những gì đã diễn ra.⁽¹⁰⁾ Sự thành công của các con rồng nhỏ trong công nghiệp hóa không thể được giải thích chỉ bằng hoàn cảnh mà thôi.⁽¹¹⁾

Theo Vogel, công nghiệp hóa đòi hỏi những trình độ cao

⁽⁸⁾ “And within East Asia, the break-throughs in industrialization have occurred not in the great centers of Confucian faith or among the groups most imbued with Confucianism. (...) so in East Asia industrialization prospered in areas far from the centers of traditional Confucian orthodoxy (...). And successes occurred not under the old Confucian-style governments...” Vogel, sách đã dẫn, tr. 84.

⁽⁹⁾ “These five situational factors – U.S. aid, the destruction of the old order, a sense of political and economic urgency, an eager and plentiful labor force, and familiarity with the Japanese model of success – came together to give a powerful advantage to East Asian countries.” Vogel, sách đã dẫn, tr. 91.

⁽¹⁰⁾ “With such favorable situational factors for industrialization, why must one consider tradition at all? The answer, in brief, is that situational factors alone do not account for all that happened.” Vogel, sách đã dẫn, tr. 92.

⁽¹¹⁾ “The little dragon’s success in industrializing cannot be explained by their situation alone.” Vogel, sách đã dẫn, tr. 92.

về hợp tác, giờ giấc chính xác, và khả năng tiên liệu. Vậy thì, người ta phải hỏi xem chính cái gì đã cho thế hệ hiện nay khả năng thành tựu được những trình độ tổ chức phức tạp cần thiết; và sự thành tựu này không thể tách rời khỏi những tập quán lâu đời, đã ăn sâu vào tâm hồn họ, những gì mà họ đã thấm nhuần khi trưởng thành trong nền văn hóa của họ.⁽¹²⁾ Do đó, nói cách khác, phải xét đến yếu tố truyền thống Nho Giáo của họ.

Vogel lưu ý, một trong những yếu tố truyền thống Nho Giáo là nền văn hóa giáo dục đạo Nho đã sản sinh cho xã hội một tầng lớp trí thức ưu tú, họ được chọn lựa ra làm viên chức trên cơ sở phẩm chất xứng đáng, họ có ý thức trách nhiệm đối với trật tự cũng như đạo đức chung của toàn xã hội.⁽¹³⁾

So với những viên chức phương Tây, theo Vogel, các nhà Nho có trách nhiệm nhiều hơn, hưởng nhiều quyền hành hơn và được tôn kính hơn.⁽¹⁴⁾ Khác với nhiều xã hội phương Tây, thay vì quá chú ý tới các nguyên tắc kỹ thuật áp dụng cho địa vị của mình, những tôn chỉ hành xử sao cho đúng đắn vai trò

⁽¹²⁾ “Above all, industrialization requires high levels of coordination, precise timing, and predictability. (...) One must ask what it was that gave the present generation the ability to achieve the needed complex levels of organization; and this achievement cannot be separated from the institutional practices and underlying attitudes, what Robert Bellah and others call the ‘habits of the heart,’ that they absorbed in growing up in their culture.” Vogel, sách đã dẫn, tr. 92.

⁽¹³⁾ “The Confucian bureaucrats, selected on the basis of merit, had a sense of responsibility for the overall social order, including the overall moral tone of the society.” Vogel, sách đã dẫn, tr. 93.

⁽¹⁴⁾ “In Confucian societies, the bureaucrats had a broader responsibility than in the West, and enjoy more authority and respect than his Western counterparts.” Vogel, sách đã dẫn, tr. 93.

khiến nhà Nho rất quan tâm xem tác phong và những quyết định của họ ảnh hưởng đến trật tự đạo lý xã hội như thế nào.⁽¹⁵⁾

Truyền thống thi cử cũng là một ưu điểm của Nho Giáo trong bổ dụng nhân sự; Vogel nhận định:

Ngưỡng cửa truyền thống dẫn vào chốn quan quyền là thông qua thi cử để đo lường không chỉ trí thông minh cơ bản hay tài năng mà còn để trắc lượng khả năng tinh thông tài liệu nào đó qua những năm dài học tập. Trong các định chế giáo dục phương Tây, thi cử được dùng để quyết định sự hoàn tất một học trình; ở Đông Á, các kỳ thi khắc nghiệt xưa nay luôn luôn là ngưỡng cửa tiến thân.⁽¹⁶⁾ Xóa bỏ ảnh hưởng của các mối quan hệ thân tộc và địa phương kiểu phong kiến trong việc bổ nhiệm, hệ thống thi cử cho phép mọi thành viên trong xã hội thấy là họ có được cơ hội vươn tới các địa vị cao.⁽¹⁷⁾

⁽¹⁵⁾ “The guidelines for proper exercise of his role gave less attention to the technical rules for his position than in many Western societies and more attention to how his behavior and decisions affected the moral order.” Vogel, sách đã dẫn, tr. 93.

⁽¹⁶⁾ “The traditional gateway to officialdom was through examinations that measured not basic intelligence or aptitude but the capacity to master certain material through long years of study. In many Western educational institutions, examinations are used to determine certification for completing a course of study. In East Asia, the critical examinations have always been at the entrance.” Vogel, sách đã dẫn, tr. 96.

⁽¹⁷⁾ “By breaking down the importance of feudal connections of family and locality in placement, the exam system has allowed all members of the society to feel that they have access to high positions.” Vogel, sách đã dẫn, tr. 97-98.



Cũng theo Vogel, một ưu điểm nữa của Nho Giáo là tu thân. Đối với các nhà Nho truyền thống, tu thân là do thôi thúc bởi lòng khao khát muốn chế ngự một cách thuần thực những xúc cảm của mình; tu thân đòi hỏi học tập và phản tỉnh nhiều hơn là “duy” hành động để cố đạt mục đích.⁽¹⁸⁾

Như vậy, suy ra từ ý kiến của Vogel, muốn phát triển đất nước phải cần đến nguồn nhân lực, và Nho Giáo có giá trị tích cực trong việc đào tạo phẩm chất đạo đức cho nhân tài trí thức. Nói theo lý tưởng Cao Đài, nguồn nhân lực phải có đủ tâm, hạnh, đức, tài.

⁽¹⁸⁾ “For traditional followers of Confucianism, self-cultivation was driven by a desire for more perfect control over one’s emotions and required study and reflection more than activism.” Vogel, sách đã dẫn, tr. 101.

VẤN ĐỀ 3: Nho Giáo chẳng những không cản trở tiến trình công nghiệp hóa phát triển đất nước mà còn là yếu tố hiệu quả để bảo vệ đạo đức của những xã hội đã thành công rực rỡ về phát triển kinh tế (*tham khảo trường hợp Singapore*)

Singapore là quốc gia non trẻ. Khi các con rồng kinh tế như Đài Loan, Hàn Quốc, Hương Cảng được thuận lợi vì họ có một lịch sử lâu dài, một chủng tộc đồng nhất, thì Singapore lại khác hẳn. Bảy giờ, với khoảng ba triệu dân, Singapore có 75% dân số là người Hoa, còn lại là người Mã Lai, và Ấn. Mỗi chủng tộc đều có ngôn ngữ và truyền thống văn hóa, tín ngưỡng riêng.

Singapore bắt đầu canh tân, công nghiệp hóa đất nước năm 1960. Chính phủ đầu tư xứng đáng cho giáo dục để có nhân tài trẻ tuổi và năng động cho mọi lãnh vực kiến thiết và phát triển đất nước. Họ đã thành công; Vogel viết về thành tựu của nước này như sau:

“Cuộc công nghiệp hóa của Singapore bao gồm một sự pha trộn lạ lùng: một nhà lãnh đạo quốc gia có sức thu hút và chinh phục quân chúng, những chính khách tài năng và trí thức, những viên chức tài giỏi thuật tranh biện trước công chúng, những doanh nhân tư bản là viên chức nhà nước, một chương trình phúc lợi lớn lao dựa trên một căn bản tài chính vững chắc, và những nhà quản lý nước ngoài.” ⁽¹⁹⁾

Vậy mà, hai mươi hai năm sau, cùng với sự thành công về vang kinh tế như thế, chính phủ Singapore đã nhìn thấy ngay

⁽¹⁹⁾ “Singapore’s industrialization involved a peculiar blend: a charismatic national leader, meritocratic politicians, bureaucrats skilled in public debate, capitalist entrepreneurs who were government bureaucrats, a substantial welfare program on a sound financial basis, and foreign managers.” Vogel, sách đã dẫn, tr. 82.

mặt trái của công cuộc công nghiệp hóa trên đất nước họ. Tháng 02-1982, Tiến Sĩ Ngô Khánh Thụy, Phó Thủ Tướng thứ Nhất kiêm Bộ Trưởng Giáo Dục Singapore, tuyên bố rằng *cuộc công nghiệp hóa và canh tân hóa Singapore lại đang đe dọa làm xói mòn các giá trị văn hóa và đạo đức* ⁽²⁰⁾ của đảo quốc nhỏ hẹp này. Đó cũng là lý do bức thiết mà Tiến Sĩ Ngô Khánh Thụy, thay mặt chính phủ Singapore, đại diện cho ngành giáo dục của cả nước, chính thức đề nghị đưa luân lý Nho Giáo vào trường học phổ thông để làm căn bản đức dục cho việc đào tạo nhân tài, xây dựng những công dân tốt cho đất nước sau này.

Vậy, trường hợp Singapore cho thấy, khi kinh tế cần phát triển để thoát ra nghèo và lạc hậu, Nho Giáo cũng cần; đến khi kinh tế phát triển rồi, trong cảnh vật chất sung túc, Nho Giáo lại vẫn càng cần hơn nữa, để bảo vệ đạo đức, phong hóa. Tinh thần đó sẵn có trong Nho Giáo: *Phú quý không làm cho ta phóng túng, bất chính; bần tiện không làm cho ta thay đổi tiết tháo...* ⁽²¹⁾

Trong quá trình chuẩn bị đưa luân lý Nho Giáo vào nhà trường, tám học giả về Nho Giáo, đều là người Mỹ gốc Hoa, được mời tới Singapore năm 1982 để giúp Viện Phát Triển Chương Trình Học Singapore ⁽²²⁾ soạn thảo một cái sườn có

⁽²⁰⁾ “The need for moral education has been underscored many times and is particularly urgent in Singapore where industrialization and modernization threaten the erosion of cultural and ethical values.” Tu Wei-ming. *Confucian Ethics Today: the Singapore Challenge*, Curriculum Development Institute Singapore & Federal Publications, 1983, tr. ix.

⁽²¹⁾ *Mạnh Tử: Đằng Văn Công*, Hạ, bài 2: *Phú quý bất năng dâm, bần tiện bất năng di...* 富貴不能淫, 貧賤不能移 ...

⁽²²⁾ *Curriculum Development Institute of Singapore*

tính cách khái niệm cho chương trình giảng dạy. Ở Singapore, các học giả này được cơ hội nghiên cứu toàn diện tình hình đảo quốc: thăm các trường, các tổ chức xã hội và nhiều phân khoa của Viện Đại Học Quốc Gia Singapore (NUS)... Cuối chương trình khảo sát này, mỗi học giả nộp một phúc trình nêu rõ các nhận định và khuyến nghị của chính họ đối với việc đưa môn luân lý Nho Giáo vào các trường trung học Singapore.

• GIÁO SƯ ĐỖ DUY MINH VÀ TÁC PHẨM

Trong tám học giả đó, đáng chú ý là Giáo Sư Đỗ Duy Minh, thuộc Khoa Ngôn Ngữ Và Văn Minh Đông Á, thuộc Viện Đại Học Harvard. Giáo Sư Đỗ cũng là một trong các chuyên viên hàng đầu uyên bác về Nho Giáo.

Giáo sư Đỗ Duy Minh 杜佳維 sinh tại Côn Minh, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc (1940), tốt nghiệp cử nhân Viện Đại Học Đông Hải 東海 tại Đài Loan (1961), lấy tiến sĩ tại Viện Đại Học Harvard (1968), dạy học tại Viện Đại Học Princeton (1968-1971) và Viện Đại Học California, Berkeley (1971-1981), dạy lịch sử và triết học Trung Quốc tại Viện Đại Học Harvard (từ năm 1981), là Giám Đốc Viện Văn Hóa Và Truyền Thông (*the Institute of Culture and Communication*) tại Trung Tâm Đông-Tây (*the East-West Center*) ở Hawaii (1990-1991), là Giám Đốc Viện Harvard Yenching (1996-2008)... Giáo Sư còn được thỉnh giảng tại các viện đại học danh tiếng ở Bắc Kinh, Chiết Giang, Đài Loan, Hương Cảng, Michigan, Paris, Pennsylvania, Sơn Đông, Thượng Hải, v.v...

Năm 2001, Giáo Sư Đỗ được Kofi Annan (Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc) bổ nhiệm làm thành viên của Nhóm Những Người Lỗi Lạc (*Group of Eminent Persons*) để giúp chương trình Đối Thoại Giữa Các Nền Văn Minh (*Dialogue among*

Civilizations). Giáo Sư đã viết hơn ba mươi quyển sách bằng tiếng Anh và chữ Hán.

Giáo Sư có đến làm việc tại trường Đại Học Khoa Học Xã Hội Và Nhân Văn, thuộc Đại Học Quốc Gia Tp.HCM, trong cuộc “thảo luận bàn tròn *Nho Giáo Ở Việt Nam*” trong hai ngày 11 và 12-7-1997. Dịp này, Giáo sư Đỗ có ba bài tham luận⁽²³⁾ như sau:

- Đạo, Học Vấn Và Chính Trị Trong Nền Nhân Bản Nho Giáo Cổ Điển (*The Way, Learning and Politics in Classical Confucian Humanism*).

- Khoa Học Nhân Văn Và Người Trí Thức Cộng Đồng (*Humanities and the Public Intellectual*).

- Quan Điểm Nho Giáo Về Nhập Thể (*A Confucian Perspective on Embodiment*).

Trong chuyến đi Singapore năm 1982, Giáo sư Đỗ Duy Minh nhiều lần diễn thuyết trước công chúng, có nhiều báo cáo chuyên đề trọng yếu và có những buổi thảo luận với nhiều thành phần công dân Singapore. Các báo cáo chuyên đề và những buổi thảo luận ấy đã đặt chương trình luân lý Nho Giáo vào đúng tầm triển vọng của nó.

Năm 1983, Viện Phát Triển Chương Trình Học Singapore góp lại những bài nói chuyện đó, xuất bản với nhan đề *Confucian Ethics Today: the Singapore Challenge* (Luân Lý Nho Giáo Ngày Nay: Sự Thách Thức Của Singapore). Quyển sách này có bốn chương đáng chú ý như sau:

- Chương Một cho thấy các giá trị cốt lõi trong tư tưởng

⁽²³⁾ Có thể đọc các bài này trong *Tạp san Khoa Học Xã Hội Và Nhân Văn*. Tp.HCM: Trường Đại Học Khoa Học Xã Hội Và Nhân Văn, số 3-1997.

đạo Nho (*Core Values in Confucian Thought*).

- Chương Hai trình bày quan điểm của Nho Giáo về học vấn (*The Confucian Perception of Learning*), có thể xem như bổ túc ý kiến của Vogel (nói ở *Vấn đề 2*) về yếu tố tích cực của truyền thống giáo dục Nho Giáo.

- Chương Ba cho thấy luân lý Nho Giáo vẫn phù hợp với óc kinh doanh ở Đông Á trong nền kinh tế thị trường (*Confucian Ethics and the Entrepreneurial Spirit in East Asia*).

- Chương Bốn khẳng định luân lý Nho Giáo trong thời đại ngày nay vẫn không mất đi ý nghĩa (*The Modern Significance of Confucian Ethics*).

Trong tác phẩm nói trên, Giáo sư Đỗ Duy Minh còn vạch ra sự khác nhau giữa quan niệm giáo dục con người theo Nho (tu thân) với phương Tây (trang bị kiến thức và kỹ năng mưu sinh); những giá trị bất biến của Nho; những gì đáng loại trừ của Nho là cái tư tưởng Nho Giáo đã bị chính trị hóa...

Tác phẩm của Giáo sư Đỗ Duy Minh cho thấy trên thế giới hiện có một hướng nghiên cứu Nho Giáo khác hẳn với thói quen tâm chương trích cú vạch tìm nghĩa lý như từng có ở Việt Nam. Đọc Đỗ Duy Minh, và nếu có thêm các tác giả khác với phong cách nghiên cứu như vậy, người nghiên cứu đề tài *Nho Tông chuyển thế* có thể thoát ra khỏi hạn chế của nếp làm việc “Đập cổ kính ra tìm lấy bóng...”

VẤN ĐỀ 4: Thử xác định ý nghĩa của *Nho Tông chuyển thế*

1. Hai chữ *chuyển thế* nên hiểu theo nghĩa nào?

Có thể giải thích như sau được chăng? – *Chuyển thế* tức là đổi mới cuộc đời cho tốt đẹp, hoàn thiện, theo định hướng nhân bản của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, trong đó nhân sinh

và tâm linh là hai yếu tố tác động hỗ tương.

Cần lưu ý làm sáng tỏ vấn đề này. Lẽ thường, nói đến Nho Giáo, phần đông nghĩ ngay đến mặt hình nhi hạ (nhân sinh) của Nho. Đó là ưu thế của Nho. Còn khi nói đến tâm linh, phần đông vẫn nghĩ ngay đến Lão và Phật. Đó là ưu thế của Lão và Phật về mặt hình nhi thượng.

Do đó đặt ra câu hỏi: nghiên cứu *Nho Tông chuyển thế* có bỏ qua Lão, Phật không? Nếu chỉ tập trung ở Nho thì có đủ và đúng không? Nói cách khác, nếu nghiên cứu *Nho Tông chuyển thế* mà chỉ tập trung ở đạo Nho thì có phiến diện và bất túc không?

Về vấn đề này, nên tham khảo thánh giáo của Đức Giáo Tông Vô Vi Lý Thái Bạch:

*Nho Tông chuyển thế lập trường,
Tam Tông⁽²⁴⁾ quy hiệp mở đường chân tông.
Dem nhân loại đại đồng cứu thế,
Lập Cao Đài bảo vệ đời nguy,
Ban trao sứ mạng Tam Kỳ,
Cho người tâm đức kiên trì hoằng khai.⁽²⁵⁾*

Qua thánh giáo trên, phải chăng để *Nho Tông chuyển thế* đúng nghĩa là *chân tông* thì không thể bỏ qua Tiên Tông (Lão) và Phật Tông (Thích); vì phải gồm đủ *Tam Tông* mới có thể *mở đường chân tông*? Ở đây, xác định *chuyển thế* theo định hướng và mục tiêu nào là điều tối thiết?

⁽²⁴⁾ *Tam Tông* hay Tam Giáo gồm Nho, Phật, Đạo hay Khổng, Thích, Lão. Theo sử quan Cao Đài, Khổng Giáo là Nho Giáo từ Nhị Kỳ Phổ Độ trở đi (kể từ lúc Đức Khổng Tử dạy đạo).

⁽²⁵⁾ *Thánh Giáo Sư Tập năm Nhâm Tý và Quý Sửu (1972-1973)*. Sài Gòn: Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, tr. 68.

2. Tại sao nói *Nho Tông chuyển thế* chứ không nói *Nho Giáo chuyển thế*? *Nho Giáo* khác *Nho Tông* thế nào?

Từ cái nôi Trung Quốc, kể từ đời Xuân Thu⁽²⁶⁾ cho đến hết đời nhà Thanh, *Nho Giáo* có khoảng trên dưới 2.500 năm lịch sử với những học thuyết và chủ trương hoàn toàn không đơn giản.

Thử phác họa: Không kể tư tưởng Đức Khổng Tử, trong thời Chiến Quốc, Mạnh Tử và Tuân Tử đã lập thuyết trái nhau rồi. Mạnh Tử chủ trương *tính thiện, dưỡng tính, trọng nhân trị*. Tuân Tử chủ trương *tính ác, kiêu tính, trọng pháp trị*. Thời Tống-Minh có *Lý Học* với ba trường phái: *Tượng Số Học, Đạo Học, Tâm Học*. Đời Thanh ngoài *Tống Nho* còn thêm phái *Tân Học* do hoàn cảnh lịch sử Trung Quốc phải đối đầu các nước thực dân. Chưa kể, xuyên suốt từ Hán đến Thanh vẫn có cái học từ chương, khoa cử...

Như thế, phải chăng thuật ngữ *Nho Giáo* mang phạm vi quá rộng, tản mác, và bao trùm luôn học thuật của tất cả triết gia cũng như những chủ trương đối nghịch giữa các học phái?

Đã vậy, trong *Nho Giáo* của 2.500 năm lại có cả thứ *Nho Giáo đã bị chánh trị hóa*, là lúc *Nho Giáo* không chuyển hóa được cuộc đời theo hướng tích cực; mà chính *cuộc đời đã chuyển xoay Nho Giáo theo hướng tiêu cực, nhằm phục vụ quyền lợi của một số người*.⁽²⁷⁾

Rõ ràng, vì hai chữ *Nho Giáo* có nội dung phức tạp như vậy, nói *chuyển thế* với phạm vi ý nghĩa của *Nho Giáo* là không hợp lý. Nói *Nho Tông* chính là để khoanh vùng (hay

⁽²⁶⁾ *Xuân Thu* (770-403 trước công nguyên), kể từ đời Chu Bình Vương tới cuối đời Chu Uy Liệt Vương.

⁽²⁷⁾ Vậy, để nhận diện mặt tiêu cực của *Nho Giáo*, có cần vạch ra những gì thuộc về *Nho-Giáo-đã-bị-chánh-trị-hóa* không?

giới hạn) phân *tinh hoa cốt lõi có giá trị bất biến, vượt qua các thời kỳ thăng trầm thịnh suy của Nho Giáo*.

3. Khi hiểu *Nho Tông* là *tinh hoa cốt lõi bất biến của Nho Giáo*, vấn đề phải tiếp tục giải quyết là xác định xem *nội dung của Nho Tông* bao gồm những gì.

Có thể nào coi *đường lối giáo dục con người nhân bản và chính trị trọng dân* là *Nho Tông* không? Chẳng hạn:

- Về *giáo dục con người nhân bản*, mô hình lý tưởng là *người quân tử* (có đủ nhân, nghĩa, lễ, trí, tín). *Đức dục* là gốc (tu thân); *trí dục* là ngọn (kỹ năng và kiến thức chuyên môn).

- Về *chính trị trọng dân*, không vì quyền lợi tập thể mà xóa bỏ quyền lợi cá nhân; cũng không đem quyền lợi tập thể vun quén cho quyền lợi cá nhân; mà *dung hòa thỏa đáng, hợp lý quyền lợi cá nhân với cá nhân trong tổng thể các mối tương quan cộng đồng xã hội*. Xác định mối quan hệ lợi ích giữa dân và lãnh đạo.⁽²⁸⁾

Nghiên cứu *Nho Tông chuyển thế* mà chưa vạch ra rõ cái gì là *Nho Tông*, điều này về căn bản hoàn toàn không chấp nhận được. Có thể hình dung như thế này: khi chưa xác định được *Nho Tông* là nội dung gì, chưa xác định được *chuyển thế* theo định hướng nào và nhắm vào mục tiêu nào, thì chẳng khác gì muốn phóng một phi thuyền vào vũ trụ mênh mông mà vẫn chưa tìm được cơ sở đặt bộ phóng và còn chưa biết trong không gian bao la, ngôi sao nào thật sự là đích điểm!

Ngoài bốn vấn đề thử nêu trên, còn cần lưu tâm xét xem *Nho Tông chuyển thế* phải chăng chỉ phù hợp các nước có sẵn di sản *Nho Giáo*? Đối với các nước có nền văn hóa, tín

⁽²⁸⁾ Mạnh Tử: 民爲貴，社稷次之，君爲輕。 *Dân là quý, sau đó là đất nước, vua thì nhẹ.* (Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh.)

ngưỡng khác hơn, thiếu di sản Nho Giáo, thì *Nho Tông chuyển thế* có thích nghi không? Khi xét tới phạm vi của lý tưởng thế đạo đại đồng không chỉ giới hạn trong một lãnh thổ thì vấn đề này không nhỏ, và cũng không thừa.

Trong quá trình tìm kiếm một cách tiếp cận nghiên cứu *Nho Tông chuyển thế*, trường hợp Nhật Bản và bốn con rồng nhỏ ở Đông Á được viện dẫn để tham khảo. Ở đây chưa nói tới *những nhược điểm và hạn chế của các hòn đảo đó*; nhưng dù nói riêng về thành công, sự thành công của họ sẽ thuộc về quá khứ sau khi thế kỷ 20 kết thúc. Chắc chắn, do hoàn cảnh khác nhau về địa lý, lịch sử, nhân văn, v.v... sẽ *không có bất kỳ một con rồng nào trong những con rồng đó là một mô hình kiểu mẫu hoàn toàn cho Việt Nam*. Mong ước và tin tưởng rằng Việt Nam vào thế kỷ 21 sẽ có riêng mô hình độc đáo của mình, và mô hình Việt Nam biết đâu lại có khả năng là mô hình hoàn hảo cho chung thế giới đại đồng⁽²⁹⁾ đã từng được nhân loại mơ ước từ nghìn xưa.⁽³⁰⁾

Phú Nhuận, 15-10-1995

⁽²⁹⁾ *Thế giới đại đồng*: một thế giới an vui, công chính, thịnh vượng, đạo đức, nhân bản.

⁽³⁰⁾ Phần khảo sát riêng về E. F. Vogel và Đỗ Duy Minh đã trích đăng tạp chí *Thông Tin Khoa Học Và Công Nghệ*. Huế: Sở Khoa Học, Công Nghệ Và Môi Trường Thừa Thiên - Huế, số 3 (25)-1999, nhan đề “*Vai Trò Của Nho Giáo Ở Các Nước Đông Á Dưới Mắt Các Nhà Nghiên Cứu Phương Tây*”.

Triết Lý Đền Thánh Cao Đài Tây Ninh

Tòa Thánh Cao Đài Tây Ninh (thuộc Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh) ở xã Long Thành Bắc, huyện Hòa Thành, cách thị xã Tây Ninh khoảng bốn, năm cây số về hướng đông nam. Đây là một quần thể gồm nhiều kiến trúc, công trình xây dựng. Trong đó kiến trúc trung tâm, quan trọng nhất chính là *Đền Thánh*, nơi trang trọng thiết lễ triều kính Đức Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát (Ngọc Hoàng Thượng Đế). Đây cũng là nơi vào đầu xuân hằng năm, ngày mùng 9 tháng Giêng âm lịch, đại lễ Vía Đức Chí Tôn (Giáo Chủ đạo Cao Đài) thu hút đông đảo tín đồ Cao Đài các nơi đổ về hành hương, không phân biệt chi phái.

I. KHÁI QUÁT LỊCH SỬ KIẾN TẠO ĐỀN THÁNH

Sau khi Tờ Khai Đạo ghi ngày 07-10-1926 được gửi Quyền Thống Đốc Nam Kỳ Le Fol,⁽¹⁾ tiền bối Thượng Đầy

⁽¹⁾ Khi Thống Đốc Nam Kỳ Maurice Cognacq (1870-1949) mãn nhiệm kỳ (1921-1926), Aristide Eugène Le Fol là tham biện hạng nhất (*administrateur de 1^{ère} classe*), được bổ làm quyền thống đốc Nam Kỳ ngày 09-4-1926., nhậm chức ngày 19-4-1926, và chấm dứt nhiệm vụ sau khi tiếp nhận Tờ Khai Đạo khoảng ba tháng, bởi vì ngày 09-11-1926 Paul Marie Alexis Joseph Blanchard de la Brosse được bổ làm thống đốc Nam Kỳ, nhậm chức ngày 30-12-1926, mãn nhiệm kỳ năm 1929. Ngạch của De la Brosse là thống đốc các thuộc địa (*gouverneur des colonies*). Trước đây có tác giả cho rằng vì Le Fol tiếp nhận Tờ Khai Đạo của các tiền bối Cao Đài nên sau đó bị chánh phủ Pháp cách chức, chuyển đi nơi khác. E rằng điều

Sư Lê Văn Trung (1876-1934) ⁽²⁾ hiệp cùng đồng đạo đã về Tây Ninh mượn chùa Gò Kén (Thiền Lâm Tự) của Hòa Thượng Như Nhân tức Thích Từ Phong (1864-1939) ⁽³⁾ để tổ chức đại lễ *Khai Minh Đại Đạo*, chính thức công khai hóa sự ra đời của đạo Cao Đài (19-11-1926).

Từ tháng 7-1926, vì chùa kiến tạo còn dở dang, các môn đệ Cao Đài, nhất là hai tiền bối Nguyễn Ngọc Thơ (1873-1950) và Lâm Ngọc Thanh (1874-1937), đã dốc rất nhiều tiền của và công sức vào để hoàn thiện ngôi chùa và sửa sang cảnh quan chung quanh cho kịp ngày hành lễ.

Thật vậy, khi mượn được chùa Thiền Lâm thì chung quanh hãy còn um tùm cây cối, bụi rậm. Chùa chưa được sơn phết, nền đất còn nguyên. Từ chùa ra đường cái chưa có lối đi. Hai tiền bối Thơ, Thanh đem tiền riêng thuê thợ đốn cây, làm vườn, trồng hoa kiểng, hoàn chỉnh cảnh chùa cho khang trang, và nhất là cho đắp con lộ đá từ chùa ra tới đường cái để xe ô tô dễ dàng chạy thẳng vào tới chùa. ⁽⁴⁾

phỏng đoán này không đúng, vì thực chất Le Fol chỉ là quyền thống đốc, tạm xử lý công việc trong lúc chờ người chánh thức nhậm chức.

⁽²⁾ Xem thêm: *Tiểu Sử Các Tiền Bối Cao Đài*, cuối bài này, tr. 72.

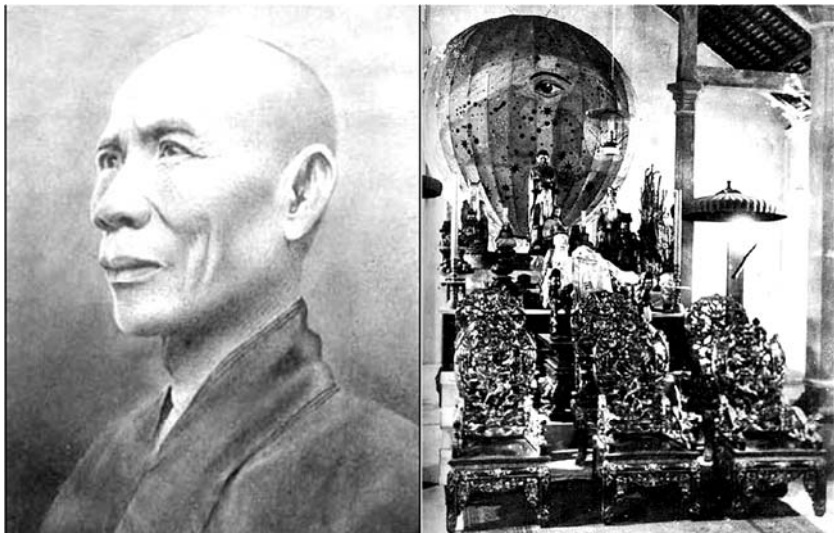
⁽³⁾ Hòa Thượng Như Nhân thế danh là Nguyễn Văn Tường, sinh tại Đức Hòa, tỉnh Long An, con ông Nguyễn Văn Bầu và bà Đoàn Diệu Hoa. Năm 17 tuổi ông Tường quy y với hòa thượng Minh Đạt (Thích Trí Lượng) tại chùa Thiền Lâm (xóm Chùa, Tây Ninh). Sư Như Nhân thuộc tông Lâm Tế, đời thứ 39. Năm 1890, sư về tổ đình là chùa Giác Lâm (Tân Bình). Năm 1885 bà Trần Thị Liễu cúng 1,2 mẫu tây đất ở Phú Lâm để cất chùa Giác Hải, và sư về đây trụ trì. Sư tạ thế ngày 24-01-1939 (05-12 Mậu Dần), táng tại chùa Thiền Lâm. Sau này, cốt được bốc và thiêu, một phần tro chia về chùa Giác Hải (1952).

⁽⁴⁾ Lê Anh Dũng, *Lịch Sử Đạo Cao Đài Thời Kỳ Tiềm Ẩn 1920-1926*. Huế: Nxb Thuận Hóa, 1996, tr. 153-154.



Thiền Lâm Tự (chùa Gò Kén, Tây Ninh)

[Ảnh Huệ Nhẫn]



Hòa thượng Như Nhân
1864-1939

Chánh điện thánh thất Gò Kén
(Thiền Lâm Tự 1926)



Tìm đất cất Đền Thánh. Tiên bối Cao Quỳnh Cư chỉ vào tấm bảng có tên ông Cao Văn Điện. [Lễ Sanh Thái Rẫy Thanh vẽ. Huệ Nhân st]

Thế nhưng, sau lễ Khai Minh Đại Đạo, Hòa Thượng Như Nhân đổi ý, không muốn làm Thái Chưởng Pháp trong hàng chức sắc Cao Đài, và ráo riết đòi lại chùa Gò Kén. Hòa Thượng được hẹn sẽ nhận lại chùa trong vòng ba tháng. Đến ngày 18-3-1927 (15-02 Đinh Mão), tuy quá hạn một tháng, các tiên bối Cao Đài vẫn chưa trả được chùa vì chưa tìm được đất để thiên di.

Bấy giờ Đức Lý Giáo Tông dạy các tiên bối: “*Mai này chur hiên hữu lên đường trên gọi là đường dây thép,⁽⁵⁾ nhằm địa thế dài theo cho tới ngã ba Ao Hồ. Coi hiên hữu có thấy đặng chấng cho biết. Lão đã nói rằng mọi sự chi chi đều bày trước mắt nhưn sanh hết.*”⁽⁶⁾

Hôm sau (23-02-1927), các tiên bối Cao Quỳnh Cư (1888-1929), Phạm Công Tắc (1890-1959), Nguyễn Ngọc Thơ, Nguyễn Ngọc Tương (1881-1951), và Lê Bá Trang (1878-1936), cùng đi trên hai chiếc ô tô của hai tiên bối Nguyễn Ngọc Thơ và Lâm Ngọc Thanh, tiếp tục khảo sát địa thế tìm kiếm một nơi lý tưởng ở tận trong chốn hoang vu, sơn lam chướng khí, còn nhiều thú dữ.

Đi đến cánh rừng cấm (nay là cửa số 2 nội ô Tòa Thánh Tây Ninh), tiên bối Cao Quỳnh Cư bắt gặp một tấm bảng ghi tên người bạn học cũ là Cao Văn Điện. Nhờ ông Điện hướng dẫn, các tiên bối chọn được bên cạnh mảnh rừng của ông Điện một khoảnh rừng khác, thuộc sở hữu của Aspar, một kiếm lâm người Pháp. Aspar ra giá hai mươi ngàn đồng, các tiên bối mặc cả khoảng mười bảy hay mười tám ngàn đồng thì

⁽⁵⁾ Là đường từ Mít Một chạy tới cửa Hòa Viện bây giờ. Đường dây thép tức là đường dây truyền điện tín (*télégraph*).

⁽⁶⁾ “*Khố Tâm Hành Đạo Của Đức Cao Thượng Phẩm*”, in trong Hương Hiếu, *Đạo Sử*. Quyển I. Tòa Thánh Cao Đài Tây Ninh (ronéo), tr. 51.

chủ nhân thuận bán.

Chọn khoảnh rừng ấy xét ra có ưu thế hơn so với các nơi khác ở Tây Ninh, vì: Cấm Giang khó khăn về lương thực, ăn uống; Bền Kéo địa thế nhỏ hẹp; Suối Vàng tuy được phong thổ tốt nhưng trở ngại về phương tiện chuyên chở...

Hơn nữa, theo phong thủy, khu rừng ấy ở thế đất rất tốt, vì Đức Lý Giáo Tông dạy rằng sâu dưới lòng đất ba trăm mét có sáu mạch nước tụ lại, gọi là *lục long phò ấn* (sáu rồng giữ ấn).

Trước hết, để dời từ chùa Gò Kén ra đất mới, năm 1927 phải cất thánh thất tạm bằng mái tranh, vách ván, nằm trên một phần của nền Tòa Thánh Tây Ninh hiện nay, nhưng dĩ nhiên nhỏ hơn nhiều.

Các tiền bối tổ chức khai hoang, lúc đầu chỉ tập trung ở khoảnh rừng mua lại của Aspar, nhưng theo lời dạy của Đức Lý Giáo Tông các tiền bối xin phép khai khẩn thêm khoảnh rừng gần đó để mở rộng khu vực.

Khi khai hoang, người Đàng Thổ (Khơ-me)⁽⁷⁾ kéo về giúp công có khi cả ngàn người. Chánh tham biện Tây Ninh mời tiền bối Cao Quỳnh Cư ra Tòa Bó (cơ quan hành chánh của chủ tỉnh) chất vấn. Tiền bối Cư nói là khai hoang trồng cây cao su.

Chánh tham biện Tây Ninh lại hỏi tiếp rằng khai khẩn bao nhiêu mẫu. Tiền bối Cư trả lời khéo: Trồng hết chỗ đất đã mua, phá hoang tới đâu thì trồng tiếp tới đó. Các tiền bối vì thế phải cho trồng một ít cây cao su, hiện còn sót lại trong nội ô Tòa Thánh Tây Ninh như dấu tích lịch sử.

⁽⁷⁾ Thời Trịnh Nguyễn phân tranh (1627), phân lãnh thổ từ sông Gianh (tức Linh Giang, tỉnh Quảng Bình) trở vào phía Nam gọi là Đàng Trong; từ sông Gianh trở ra phía Bắc gọi là Đàng Ngoài. Trong cuộc Nam tiến, người Việt gọi dân bản địa (Khơ-me) là Đàng Thổ.

Ngày nay, vùng đất ấy đã trở thành chôn quân cư có xóm làng đông đúc, chắc chắn không thể nào quên được công lao của những tiền bối Cao Đài khẩn hoang khai phá một miền biên cương heo hút của đất nước hồi đầu thế kỷ 20. Thế nên sau này có nhận định như sau:

“Tại vùng Tòa Thánh Tây Ninh chẳng hạn, sự di cư của tín đồ Cao Đài tới đây diễn ra làm nhiều đợt. (...) Đạo Cao Đài đã đóng một vai trò quan trọng trong việc tổ chức khai khẩn đất đai buổi đầu cũng như trong việc ổn định sản xuất, ổn định cuộc sống của người định cư nhiều đợt nối tiếp nhau sau này (hiện nay, thông qua hệ thống đường sá, ngõ xóm, chợ búa ở khu vực xung quanh Tòa Thánh, chúng ta cũng thấy được dấu vết của một sự bố trí tổng thể rất rõ). Những người mới định cư rời bỏ cộng đồng làng cũ của mình tới đây đã mau chóng được gia nhập một cộng đồng mới.”⁽⁸⁾

Ngày 28-02-1927, Đức Lý Giáo Tông dạy các tiền bối về vị trí xây dựng và kích thước Đền Thánh:

“Thánh thất tạm phải cất ngay miếng đất trống, còn Hiệp Thiên Đài tạm phải cất trước thánh thất tạm. Đạo hữu lại phải khai phá đám rừng trước miếng đất ấy. Như vậy ngay trung tâm [âm] rừng cách miếng đất trống chừng 3 thước rưỡi đóng một cây nọc đo Hiệp Thiên Đài như vậy:

“Ngoài bàu Cà Na đo chừng 30 thước đóng một cây nọc. Ấy là khuôn viên Tòa Thánh. Lão lại dận từ cây nọc bên phía miếng đất phải đo vô bàu Cà Na 27 thước Lang Sa, nghe à! Tư vương 27 thước. Mỗi góc của Bát Quái Đài, nghĩa là hình nhà tròn có tám nóc, cao từ đất lên thêm 9 thước Lang Sa, làm tám nóc rộng bao nhiêu tùy ý. Trên điện Bát Quái Đài bề

⁽⁸⁾ Tạp chí *Nghiên Cứu Tôn Giáo*. Hà Nội: Viện Nghiên Cứu Tôn Giáo, 1999, Số 2, tr. 43, chú thích 8.

cao 9 mét, hình nóc tròn mô lên chỉ tám nóc cho phân minh. Trên đầu Đài phải để cây đèn xanh. Kế nữa là chánh điện bề dài 81 mét, bề ngang 27 mét. Lão phải vẽ mới dựng. Kế nữa Hiệp Thiên Đài tư vuông hai tầng, mỗi tầng 9 mét. Hai bên Hiệp Thiên Đài, bên mặt thì có Lôi Âm Cổ Đài, bên tả thì có Bạch Ngọc Chung Đài.”

Theo đàn cơ trước đó (23-02-1926), Đức Lý dạy rằng Đền Thánh sẽ được cất theo kiểu của Bạch Ngọc Kinh.

Do chiến tranh, mà cũng bởi thiếu hụt tài chánh, để Đền Thánh Tây Ninh có được kiến trúc như hiện nay, đã phải trải qua nhiều bước đường lịch sử thăng trầm.

Tóm tắt quá trình xây dựng Đền Thánh

1927: Cất thánh thất tạm bằng cây, ván.

1931: Tiền bồi Thái Chánh Phối Sư Nguyễn Ngọc Thơ cho đào móng, làm nền, đào hầm Bát Quái Đài. Vì thiếu tiền, phải tạm ngưng.

1933: Hai tiền bồi Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung và Nữ Chánh Phối Sư Hương Thanh tiếp tục công trình, chỉ làm thêm được một ít.

1935: Tiền bồi Tiếp Thế Lê Thế Vĩnh cất được lầu Hiệp Thiên Đài, đúc cột, đổ tám trần, rồi phải tạm ngưng.

14-12-1936: Tiền bồi Hộ Pháp Phạm Công Tắc chỉ huy năm trăm tín đồ làm công quả xây dựng Đền Thánh Tây Ninh. Trong suốt thời gian công quả cất Đền Thánh những tín đồ này đều phát nguyện ăn chay trường và không phạm sắc dục. Tiền bạc, vật liệu, lương thực... được các địa phương ủng hộ tích cực.

28-6-1941: Thực dân Pháp chiếm đóng Tòa Thánh Tây Ninh, bắt tiền bồi Hộ Pháp Phạm Công Tắc đày sang đảo

Madagascar (châu Phi).⁽⁹⁾ Đền Thánh Tây Ninh đã cơ bản hoàn thành, chưa xong các công đoạn trang trí, nhưng phải ngưng lại, các công thợ trở về quê xứ.

30-8-1946: Tiền bồi Hộ Pháp Phạm Công Tắc trở về Tòa Thánh Tây Ninh ⁽¹⁰⁾ và tiếp tục tu bổ, hoàn thiện công trình kiến trúc.

24-01-1947: Công trình hoàn tất, dưới sự coi sóc chung của tiền bồi Tổng Giám Lê Văn Bằng.⁽¹¹⁾

29-01-1947: An vị quả càn khôn trên có vẽ Thiên Nhân.

01-02-1955: Lễ vía Trời (09-01 Ất Mùi), tiền bồi Hộ Pháp Phạm Công Tắc chính thức khánh thành trọng thể Đền Thánh.

II. KHÁI QUÁT KÍCH THƯỚC ĐỀN THÁNH

Đền Thánh gồm có ba phần: Phía trước là Hiệp Thiên Đài, với hai tháp vuông nhô cao làm lầu chuông và lầu trống. Giữa là Cửu Trùng Đài với tháp tròn ở giữa nóc làm Nghinh Phong Đài. Cuối là Bát Quái Đài với tháp nhọn tám mặt.

Lẽ ra Đền Thánh Tây Ninh đồ sộ hơn kiến trúc hiện nay rất nhiều, nếu theo đúng dự án ban đầu (1927).

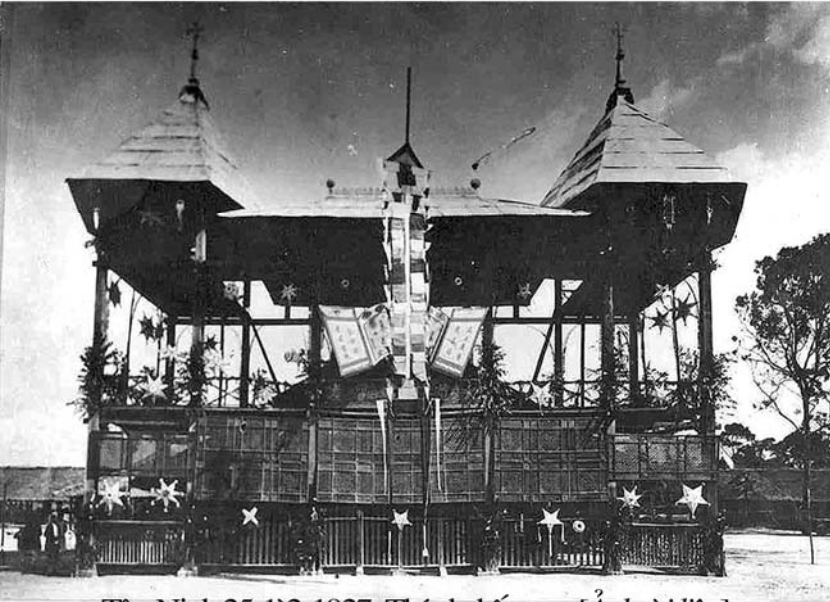
⁽⁹⁾ Madagascar (Mã Đảo), một đảo quốc trên Ấn Độ Dương, ở phía đông nam bờ biển châu Phi. Madagascar là đảo chính và lớn hàng thứ tư trên thế giới (587.040km²). Thực dân Pháp xâm lăng vương quốc Madagascar (1883), chiếm làm thuộc địa (1896). Trước khi giành lại độc lập (1960), Madagascar là một trong những nơi thực dân Pháp lưu đày các nhà ái quốc Việt Nam.

⁽¹⁰⁾ Tiền bồi Hộ Pháp rời Madagascar về tới Vũng Tàu ngày 21-8-1946, và về tới Tây Ninh ngày 30-8-1946.

⁽¹¹⁾ Tổng giám là chức vụ chỉ huy đứng đầu Cơ Quan Công Thợ của Hội Thánh Tây Ninh. Cơ Quan Công Thợ được tiền bồi Hộ Pháp thành lập ngày 22-8-1950.



1927: Phá rừng lấy đất cất Đền Thánh [Lễ Sanh Thái Rẫy Thanh vẽ theo ký ức tiền bối Hương Hiếu. Huệ Nhân st]



Tây Ninh 25-1-2-1927: Thánh thất tạm. [Ảnh tài liệu]

Thoạt đầu, sơ đồ Đền Thánh do Đức Lý Giáo Tông vẽ, vì đàn ngày 28-02-1927 (27-01 Đinh Mão), Ngài dạy: “*Lão phải vẽ mới dựng. Hộ Pháp, Thượng Phẩm! Nội trưa này phải cắm một cây viết vào đầu cơ, lấy một miếng giấy lớn vào điện phò loan cho Lão vẽ.*”

Đức Lý Giáo Tông vẽ họa đồ thiết kế Đền Thánh rất to tát, cho tương xứng với tâm cỡ của đạo Cao Đài trong tương lai, như Thiên cơ đã định. Chỉ riêng cái nền mà đã “*cao từ đất lên thêm chín thước Lang Sa [thước tây]*”.

Một đàn cơ sau đó Đức Cao Đài dạy tiền bối Nguyễn Ngọc Thơ: “*Thầy chẳng đành. Thảng như tốn kém nhiều, các con coi theo họa đồ tính làm theo thước mộc,⁽¹²⁾ nghe à.*”

Dù thế, ngày 08-3-1927 (07-02 Đinh Mão), tại chùa Gò Kén, tiền bối Nguyễn Ngọc Thơ vẫn xin Thầy cho đắp nền Tòa Thánh cao chín mét, thì Thầy dạy: “*Tốn kém nhiều lắm con ơi!*”

Sau đó, Đức Lý Giáo Tông về dạy: “*Cười... Họa đồ của Lão, Chỉ Tôn chê và trách rằng hao phí vô nền nặng lắm. Chỉ Tôn sửa lại...*”

Kích thước Đền Thánh theo sơ đồ đầu tiên như sau:

- nền cao 9m;
- chiều dài 135m (gồm Hiệp Thiên Đài 27m, Cửu Trùng Đài 81m, Bát Quái Đài 27m);
- chiều ngang 27m;
- mặt tiền (lầu chuông và trống) cao 36m;
- ở cuối (Bát Quái Đài) cao 30m;
- ở giữa Cửu Trùng Đài (Nghinh Phong Đài) cao 25m.

⁽¹²⁾ Thước mộc = 0,425 mét, chưa bằng nửa thước tây hiện nay.

Tuy nhiên, để tiết giảm tài chánh, theo thánh ý của Đức Chí Tôn, bản vẽ đã phải thu bớt lại các số đo trên. Nhưng vì một lý do nào đó, trước đây các sách thường nói khác nhau về kích thước của Đền Thánh Tây Ninh.

Một nhà nghiên cứu Cao Đài là Hiền Tài Nguyễn Văn Hồng (1940-2005) đã tỉ mỉ tính toán lại toàn bộ kích thước của kiến trúc Đền Thánh Tây Ninh hiện nay. Cách tính của Hiền Tài Hồng có thể có sai số. Dưới đây là kết quả đo đạc Đền Thánh Tây Ninh của Hiền Tài Hồng (trích):

- Chiều ngang, kể cả hành lang hai bên: 22m.
- Chiều dài, từ bậc thềm chót trước Tịnh Tâm Đài tới cuối Bát Quái Đài: 97,5m.
- Chiều cao tính tới đỉnh lầu chuông, lầu trống: 28,2m.
- Chiều cao tính tới đỉnh Phi Tướng Đài: 14m.
- Chiều cao tính tới đỉnh Nghinh Phong Đài: 17m.
- Chiều cao tính tới đỉnh Bát Quái Đài: 19m.

Tổng cộng ở tầng trệt có 156 cây cột tròn đắp rồng hoặc hoa sen, v.v...

III. KHÁI QUÁT MỘT VÀI Ý NGHĨA CỦA KIẾN TRÚC ĐỀN THÁNH

1. Tổng thể Đền Thánh

Người giàu trí tưởng tượng khi nhìn tổng thể kiến trúc Đền Thánh có thể thấy Đền Thánh mang hình tượng *long mã*, con vật linh huyền thoại đã xuất hiện trên sông Hoàng Hà để trao cho Phục Hy bức Hà Đồ, và những vạch trên lưng thú đã gợi ý cho Phục Hy vẽ thành bát quái tiên thiên. Như thế:

a. *Đầu long mã* là mặt tiền, nhìn thẳng về phía tây. Từ cột phước nhìn thẳng vào, *Bạch Ngọc Chung Đài* (lầu chuông bên phải) và *Lôi Âm Cổ Đài* (lầu trống bên trái) vươn lên như

hai sừng nhọn.

Thấp hơn, và nằm giữa hai lầu chuông, trông là tòa lầu ba tầng. Tầng trệt (*Tịnh Tâm Điện*) như mồm long mã há to.

Hai hàng cột đắp rồng, đắp hoa sen chống đỡ bao lơn ở tầng một (*Hiệp Thiên Đài*) như những chiếc răng lớn nhe ra.

Tầng hai (*Phi Tướng Đài*) như cái trán, giữa hai cửa (hai con mắt) là hình Thiên Nhân (mắt huệ).

b. *Đuôi long mã* là *Bát Quái Đài*, hướng ngay phía đông.

c. *Thân mình* là phần nhà dài ở giữa phân thành chín gian (*Cửu Trùng Đài*), cao dần từ trước ra sau, nối liền Hiệp Thiên Đài và Bát Quái Đài. Trên nóc Cửu Trùng Đài, nơi chính giữa, nhô lên một tháp tròn (*Nghinh Phong Đài*), trông giống như cái hộp đựng Hà Đồ buộc trên lưng long mã.

2. Phương hướng Đền Thánh

Đền Thánh nằm theo hướng đông tây: phần sau (Bát Quái Đài) nằm về hướng đông, mặt tiền (với hai lầu chuông, trống) xoay về hướng tây.

Trong xây dựng, có nhiều tiêu chuẩn chọn hướng. Theo thuật phong thủy, khi cất nhà, người ta căn cứ tuổi của gia chủ để chọn hướng. Khi không có điều kiện để xem hướng chi li được thì người ta quen chọn theo kinh nghiệm dân gian.

Có câu *Lấy vợ đàn bà, làm nhà hướng nam*. Làm nhà hướng nam để hưởng gió mát. Hướng đông nam cũng là hướng được ưa thích vì vừa có gió mát, vừa có nắng sớm. Trên những khu đất mới quy hoạch, khi phân lô, để dễ bán hết các nền nhà, người ta cũng tính toán để không có dãy phố nào phải xoay mặt về hướng tây.

Chưa rõ trong đạo Thiên Chúa khi cất nhà thờ có xem

phương hướng hay không. Mặt tiền nhà thờ Đức Bà ở trung tâm quận 1 xoay về hướng đông nam. Mặt tiền nhà thờ Tân Định xoay về hướng đông bắc.

Mặt tiền chùa Vĩnh Nghiêm cũng xoay về hướng đông bắc. Nhưng trong phép cất chùa, nếu hoàn cảnh cho phép, một số chùa thường chọn mặt tiền xoay về hướng đông, như vậy nơi thờ Phật sẽ nằm về hướng tây. Có người giải thích: Phật ở phương tây, cực lạc ở phương tây vì vậy Đường Tăng (Trần Huyền Trang) từ phương đông đi sang phương tây thỉnh kinh. Cất chùa nên đặt theo hướng sao cho tượng Phật ngồi xoay lưng về hướng tây, mặt nhìn về hướng đông.

Nói chung, chỉ trừ khi nào làm nhà hay cất chùa, thánh sở trong một khu phố đã thành hình, bắt buộc phải tuân theo phương hướng đang có, kỳ dư khi xây dựng trên đất trống, đất mới, người ta hoàn toàn tự do chọn hướng theo sở thích và yêu cầu của mình.

Đền Thánh Cao Đài Tây Ninh được xây dựng trên đất rừng vỡ hoang, bốn bên trống trải. Như thế khi vẽ sơ đồ kiến trúc Đền Thánh, việc chọn hướng cho Đền Thánh hoàn toàn không bị bó buộc bởi môi trường chung quanh. Tuy nhiên Đức Lý Giáo Tông đã chọn hướng tây: Đền Thánh nằm theo trục đông tây, mặt tiền xoay về hướng tây, còn Bát Quái Đài, nơi thờ Đức Thượng Đế nằm về hướng đông.

Mỗi ngày người tín đồ Cao Đài có bốn giờ cúng. Mỗi thời cúng đều đọc bài *Khai Kinh*, mở đầu với hai câu:

*Biển trần khổ voi voi trời nước,
Ánh thái dương gội trước phương đông...*

Hình ảnh này còn được thể hiện trên thánh tượng Thiên Nhân.

Ánh thái dương tượng trưng cho ánh sáng đạo pháp. Vàng

dương hiện lên thì xóa tan bóng đêm tăm tối; đạo pháp đến thì khổ não vô minh không còn nữa. Vàng dương hiện ở phương đông tức là đạo pháp giải thoát cũng đến từ phương đông. Phải chăng đó là lý do Bát Quái Đài (cũng là nơi thờ Đức Chí Tôn và các đấng Thần Thánh Tiên Phật) được đặt về hướng đông?

Hai câu kinh *Biển trần khổ voi voi trời nước, / Ánh thái dương gội trước phương đông...* ngoài ý nghĩa nhân bản là *đạo pháp vị nhân sinh*, còn mang một ý nghĩa sâu xa về con đường vận động của lịch sử tư tưởng triết giáo, văn minh nhân loại: Khi đặt ngôi Thượng Đế, là *Tổng Pháp Tông*, ông Tổ của vạn giáo (*the Ancestor of all doctrines*),⁽¹³⁾ ngự ở hướng đông là thể hiện ý vạn giáo, vạn pháp, văn minh nhân loại... đã từ phương đông truyền sang phương Tây.

Trước đây Gaston Georgel⁽¹⁴⁾ khảo sát lịch sử văn minh nhân loại đã phát biểu rằng “*Ánh sáng đến từ phương đông.*” (*L'Orient, d'où nous vient la lumière.*) Ông thấy, các nền văn minh di chuyển từ đông sang tây và các trung tâm lần lượt là Trung Hoa, Ấn Độ, Ba Tư, Chaldée, Syrie, Hy Lạp, La Mã và sau cùng là Paris.⁽¹⁵⁾

Cuối thế kỷ 20, các nhà tương lai học (*futureologists*) dự báo rằng trung tâm của thế giới trong thiên niên kỷ thứ ba sẽ là phương đông, là châu Á, mà cụ thể hơn nữa là chính tại

⁽¹³⁾ Xem thêm Huệ Khải, *Tìm Hiểu Ngọc Hoàng Thiên Tôn Bửu Cáo*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2009, tái bản 2010, tr. 42.

⁽¹⁴⁾ Nhà chiêm tinh học, sinh ngày 25-3-1899.

⁽¹⁵⁾ ... *les civilisations se déplacent de l'Est vers l'Ouest et leurs foyers successifs sont: la Chine, l'Inde, la Perse, la Chaldée, la Syrie, la Grèce, Rome et enfin Paris...* (*Les Rythmes de l'Histoire*. Belfort, 1937, p. 101)

khu vực châu Á - Thái Bình Dương.⁽¹⁶⁾

Ở khu vực này, Việt Nam chính là ngã tư giao lưu quốc tế và thánh giáo Cao Đài gọi Việt Nam là cái rún của năm châu:

*Nay trung ương sắc huỳnh mô kỷ,
Rún năm châu bốn bể là đây,
Cũng nơi vạn pháp phô bày,
Tam Tông quy lập Cao Đài chơn tông.*⁽¹⁷⁾

Có thể nhắc lại ý kiến đáng chú ý của nhà tương lai học người Mỹ là John Naisbitt (sinh năm 1929) như sau:

Ngày nay xu hướng toàn cầu đang buộc chúng ta giáp mặt với một thực tại là sự trỗi dậy của phương Đông. Chúng ta đang chuyển động theo hướng Á châu hóa thế giới. Trục ảnh hưởng toàn cầu đã chuyển từ phương Tây sang phương Đông. Châu Á có lúc từng là trung tâm của thế giới và ngày nay trung tâm thế giới lại đang trở về châu Á.⁽¹⁸⁾

Nói châu Á như Naisbitt, phạm vi hãy còn rộng. Hoàng Đình Phu đã khoanh vùng châu Á, vạch rõ địa giới chính là châu Á - Thái Bình Dương:

“Nhiều nhà phân tích chiến lược cho rằng thế giới đang bước sang kỷ nguyên châu Á - Thái Bình Dương. Thế kỷ 19 là thế kỷ của châu Âu, thế kỷ 20 là thế kỷ của Hoa Kỳ, còn thế kỷ 21 sẽ là thế kỷ châu Á - Thái Bình Dương.”⁽¹⁹⁾

⁽¹⁶⁾ Xem bài Người Đạo Cao Đài Bước Vào Thiên Niên Kỷ Thứ Ba.

⁽¹⁷⁾ Đại Tiên Ngô Minh Chiêu, thánh tịch Ngọc Minh Đài, 22-3-1966 (01-3 Bình Ngo).

⁽¹⁸⁾ John Naisbitt, *Những Xu Hướng Lớn Của Châu Á Làm Thay Đổi Thế Giới*. Nxb Trẻ, 1998, tr. 16.

⁽¹⁹⁾ Hoàng Đình Phu, *Xu Thế Thế Giới Trong Những Thập Niên Đầu Thế Kỷ 21*. Hà Nội: Nxb Khoa Học Và Kỹ Thuật, 2000, tr. 30.



Đền Thánh mang hình tượng long mã [Ảnh tài liệu]



Nghinh Phong Đài: Long mã chạy từ đông sang tây và ngoái đầu nhìn ngược về hướng đông. [Ảnh tài liệu]

“*Quá trình toàn cầu hóa (...) sẽ làm cho thế kỷ 21, thế kỷ châu Á - Thái Bình Dương trở thành thế kỷ vĩ đại của sự dung hợp văn hóa Đông Tây, của nền văn minh châu Á - Thái Bình Dương. Đó là xu thế không thể cưỡng lại của lịch sử và văn minh nhân loại.*”⁽²⁰⁾

Tóm lại, các nhà tương lai học đã dự báo rằng văn minh của nhân loại trong thiên niên kỷ thứ ba sẽ chuyển hướng, đi từ tây trở về đông, mà trung tâm của năm châu sẽ là khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

Nói theo sử quan Cao Đài, phải chăng con đường từ đông sang tây là con đường xuất hay *vãng* (đi ra), bao gồm Nhật Kỳ và Nhị Kỳ Phổ Độ?

Sang đến Tam Kỳ Phổ Độ là con đường nhập, hay *lai* (đi vào, *phản phục*), thì đi ngược từ tây trở qua đông.

Thế nên, mỗi khi bước vào Đền Thánh hành lễ, con người bắt đầu từ ngoài cửa tiến vào nội điện, tức là đang đi theo chiều tây-đông (chiều quy nguyên phản bản) của Tam Kỳ Phổ Độ. Ý nghĩa này cũng được biểu thị bằng tượng long mã đắp trên đỉnh Nghinh Phong Đài.

3. Tượng long mã trên đỉnh Nghinh Phong Đài

Đỉnh Nghinh Phong Đài giống như một bán cầu, trên đắp tượng long mã. Long mã chạy từ đông sang tây (xuôi chiều với Đền Thánh), nhưng lại ngoái đầu nhìn ngược về phía đông.

Long mã là con thú linh trong huyền sử. Long mã đã hiện ra trên sông Hoàng Hà, mang đến cho Phục Hy bức Hà Đồ; những vạch trên lưng long mã đã gợi ý cho Phục Hy tạo ra bát quái tiên thiên, nền tảng của kinh Dịch. Vậy long mã ở đây là

⁽²⁰⁾ Hoàng Đình Phu, *sách đã dẫn*, tr. 32.

biểu tượng của Đạo. Long mã chạy từ đông sang tây tức là Đạo đã từ phương đông truyền sang phương tây; long mã ngoái đầu nhìn ngược về đông tức là nhân loại sẽ quy nguyên, sẽ quay về cội nguồn phương đông để học đạo.

4. Đi vào Đền Thánh (khái quát)

Từ bên ngoài, đi vào Đền Thánh theo chính diện, phải bước lên *năm bậc thêm* bằng đá mài màu nâu, tượng trưng cho năm cấp tiến hóa của con người: Người, Thần, Thánh, Tiên, Phật.

Đi qua khỏi các cột rồng và cửa chính thì tới *Tịnh Tâm Điện*, ngụ ý con người trước khi vào bên trong Đền Thánh phải dọn lòng thanh tịnh (trong sạch).

Đi qua khỏi Tịnh Tâm Điện thì tới bậc thứ nhất của Cửu Trùng Đài. Đứng ở đây nhìn thẳng về trước là Bát Quái Đài, mà ngay sau lưng là Hiệp Thiên Đài. Điều này có nghĩa là trước khi đến Bát Quái Đài (Trời) con người phải đi qua Hiệp Thiên Đài, bởi lẽ Hiệp Thiên Đài là bộ phận thông công, giúp con người hiệp với Trời.

5. Cửu Trùng Đài

Cửu Trùng Đài ở Đền Thánh là nơi các chức sắc, chức việc và tín đồ hành lễ triều kính Đức Chí Tôn và các đấng Phật Tiên, Thánh Thần. Liên quan đến số 9, nên Cửu Trùng Đài xây từ thấp lên cao (theo hướng tây đông) thành chín bậc (mỗi bậc rộng 7m), bậc trên cao hơn bậc dưới 18cm (9x2), mỗi bậc ngăn cách nhau bằng hai cột rồng xanh, tổng cộng có mười tám cột (9x2) đứng thành hai hàng song song.

Cửu Trùng Đài chín bậc tương ứng với hệ thống giáo phẩm chín bậc như sau, từ thấp lên cao: *tín đồ (đạo hữu), chức việc bàn trị sự, lễ sanh, giáo hữu, giáo sư, phối sư và chánh phối sư, đầu sư, chương pháp, giáo tông.*

Chín bậc này cũng tương ứng với cửu phẩm thần tiên là (từ thấp lên cao): *địa thân, nhân thân, thiên thân, địa thánh, nhân thánh, thiên thánh, địa tiên, nhân tiên, thiên tiên*.

6. Bát Quái Đài

a. *Bát quái theo truyền thống (kinh Dịch)*

Bát quái là tám quẻ, mỗi quẻ là một ký hiệu (phù hiệu) gồm ba vạch (hào), chồng lên nhau, hoặc toàn vạch liền (hào dương —) như quẻ *Càn* ☰, hoặc toàn vạch đứt (hào âm - -) như quẻ *Khôn* ☷, hoặc kết hợp cả vạch đứt và vạch liền (sáu quẻ *Đoài* ☱, *Ly* ☲, *Chấn* ☳, *Tốn* ☴, *Khảm* ☵, *Cấn* ☶).

Tám quẻ tượng trưng cho tám yếu tố trong thiên nhiên (*Càn*: trời; *Khôn*: đất; *Đoài*: đầm nước; *Ly*: lửa; *Chấn*: sấm; *Tốn*: gió; *Khảm*: nước; *Cấn*: núi).

Mỗi quẻ còn mang thêm nhiều ý nghĩa tượng trưng riêng liên quan người, vật, v.v... Chẳng hạn: *Càn*: cương kiện; *Khôn*: nhu thuận; *Chấn*: động; *Cấn*: tĩnh; *Tốn*: nhập vào; *Khảm*: sa xuống; *Ly*: sáng sủa; *Đoài*: vui vẻ...

Ý nghĩa tượng trưng của mỗi ký hiệu (quẻ) trong bát quái có thể mở rộng phù hợp với ý nghĩa căn bản của biểu tượng. Như quẻ *Càn*, từ cái nghĩa là *trời, cương kiện* lại được mở rộng thành: *vua, cha, rồng, ngựa, vàng, ngọc*, v.v... Vì thế, tám quẻ mở rộng ra đến cùng cực thì có thể bao quát các hiện tượng, trạng thái của vũ trụ vạn vật; mà vũ trụ vạn vật gom tóm lại thì có thể quy về bát quái. Do đó, Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ phát biểu: “*Bát quái có thể dùng tượng trưng cho muôn vật...*”⁽²¹⁾

Phải chăng ý nghĩa này của bát quái (trong mối tương quan

⁽²¹⁾ Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ, *Dịch Kinh Đại Toàn*. Tập III. California: 1997, tr. 579.

giữa bát quái và vũ trụ vạn vật) đã lý giải vì sao Bát Quái Đài là nơi thờ Thượng Đế theo nghĩa thờ đấng Tạo Hóa đã tạo lập vũ trụ càn khôn.

Ngày 24-10-1926, Đức Cao Đài Tiên Ông giảng về mối tương quan giữa Thượng Đế, bát quái và vũ trụ như sau:

“*Nên Thầy khai bát quái mà tác thành càn khôn thế giới...*”⁽²²⁾

Bát Quái Đài ở Đền Thánh gồm mười hai bậc (mỗi bậc cao 10cm, có tám cạnh) bằng đá mài màu vàng xây chồng lên nhau, nhỏ dần từ dưới lên trên. Mười hai bậc này tượng trưng cho mười hai tầng trời, vì theo giáo lý Cao Đài, Thượng Đế là Đấng *thập nhị khai thiên* (lập ra mười hai tầng trời), số mười hai là số riêng của Trời. Cho nên khi lạy Trời gồm ba lạy, mỗi lần lạy gập đầu bốn cái, tương đương mười hai lạy. Đức Cao Đài dạy:

“*Thập nhị khai thiên là Thầy, chúa cả càn khôn thế giới (...). Số mười hai là số riêng của Thầy.*”⁽²³⁾

Bậc chót hết đặt trên nền cao hơn mặt đất 2,4 mét (12x0,2), như vậy bậc trên cùng cách mặt đất 3,6 mét (12x0,3). Bát Quái Đài có tám cột rồng vàng ở tám góc của bát quái.

b. *Bát quái Cao Đài*

Theo truyền thuyết, Phục Hy tạo ra bát quái tiên thiên, tám quẻ theo thứ tự: *Càn, Đoài, Ly, Chấn, Tốn, Khảm, Cấn, Khôn*.

Văn Vương tạo ra bát quái hậu thiên, tám quẻ theo thứ tự: *Càn, Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài*.

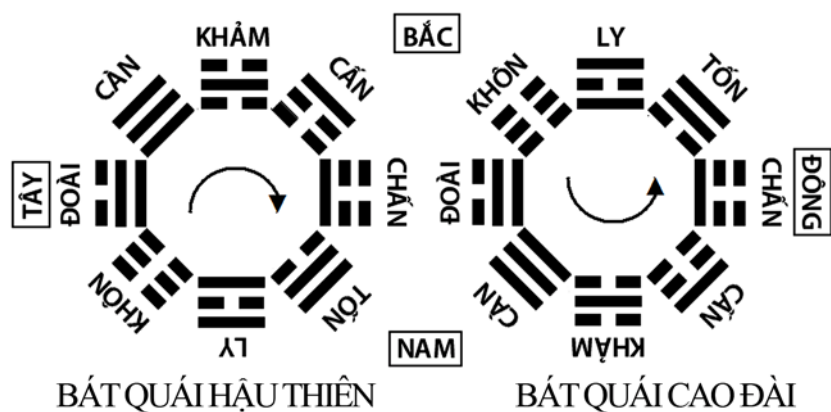
Bát Quái Đài của Đền Thánh Cao Đài Tây Ninh cho thấy

⁽²²⁾ *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*. Quyển I. Sài Gòn: 1928, tr. 42.

⁽²³⁾ *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*. Quyển I. Sài Gòn: 1928, tr. 12.

một trật tự tám quẻ khác hẳn bát quái tiên thiên và bát quái hậu thiên trong kinh Dịch.

Như trên đã nói, Bát Quái Đài gồm mười hai bậc; ở bậc thứ mười hai cần tám quẻ bát quái, nhưng không theo thứ tự tiên thiên của Phục Hy (Càn, Đoài, Ly, Chấn, Tốn, Khảm, Cấn, Khôn), mà cũng không theo thứ tự hậu thiên của Văn Vương (theo chiều kim đồng hồ: Càn, Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài).



Bát quái Cao Đài ở Đền Thánh đổi chiều xoay bát quái hậu thiên, tám quẻ được đặt ngược chiều kim đồng hồ tức là cùng chiều với chiều quay của trái đất quanh mặt trời. Như vậy, chỉ có hai quẻ Chấn (hướng đông) và Đoài (hướng tây) giữ nguyên vị trí, sáu quẻ còn lại đều đổi chỗ.

(Để dễ đối chiếu với bát quái Cao Đài, trong hình minh họa trên đây, bát quái hậu thiên không được đặt ở vị trí nam trên và bắc dưới như thường thấy theo truyền thống kinh Dịch Trung Hoa.)

c. Sử quan Cao Đài qua bát quái Cao Đài

Tại sao trong Cao Đài đổi chiều bát quái hậu thiên như

vậy? Theo sử quan Cao Đài, lịch sử văn minh, tư tưởng triết giáo của nhân loại trải qua ba thời kỳ:

Nhất Kỳ và Nhị Kỳ Phổ Độ là chiều *vãng*, chiều đi ra.

Tam Kỳ Phổ Độ là chiều *lai*, chiều đi vào.

Con đường của đạo Cao Đài (Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ) là con đường *phản phục* hay *quy nguyên phản bản*. Nói cách khác, phải chăng có thể coi bát quái hậu thiên của Văn Vương là chiều *vãng* (nhất tán vạn, của Nhất Kỳ và Nhị Kỳ Phổ Độ); còn bát quái Cao Đài là chiều *lai* (vạn quy nhất) của Tam Kỳ Phổ Độ?

d. Vũ trụ quan qua bát quái Cao Đài

Trong kiến trúc Đền Thánh Cao Đài Tây Ninh, Bát Quái Đài ở về hướng đông. Khi đặt ngôi thờ Thượng Đế (cũng là Thái Cực Thánh Hoàng, Đấng sáng tạo vũ trụ) ở hướng đông thì tương ứng với cung Chấn của Bát Quái Đài.

Chấn là sấm động, là *tiếng nổ*.

Theo vũ trụ quan Cao Đài, vũ trụ được tạo thành từ một *tiếng nổ*.

Dường như đã có phần nào tương đồng với lý thuyết *big-bang* khi thánh giáo Cao Đài ngày 06-11-1936 giảng về sự tạo lập vũ trụ như sau:

“... *nổ tung ra một tiếng vang lừng dữ dội phi thường, làm cho rung động cả không gian (...) Vũ trụ từ đây mới bắt đầu có ngôi Thái Cực trọn lành trọn tốt, toàn tri toàn năng, thiên biến vạn hóa, vô tận vô cùng, nắm trọn quyền hành, thống chưởng cả càn khôn vũ trụ (...) hóa sanh muôn loài vạn vật.*”⁽²⁴⁾

⁽²⁴⁾ Đại Thừa Chơn Giáo. Sài Gòn: 1950, tr. 410.

*

Tóm lại, hướng đông tây của Đền Thánh cũng như của tượng long mã trên đỉnh Nghinh Phong Đài, phương vị tám quẻ ở Bát Quái Đài, vị trí ngôi thờ Đức Chí Tôn ở hướng đông đã cho thấy ẩn tàng sử quan và vũ trụ quan của Cao Đài.

Sự tìm hiểu trên đây cũng cho thấy rằng đạo Cao Đài quả thực đã có những nét rất riêng khi “nói khác” truyền thống cũ của triết giáo phương Đông. Điều ấy chính là một phần của bản sắc văn hóa Cao Đài vậy.

Phú Nhuận, 03-01-2003



Tiền bối Cao Quỳnh Cư
1888-1929



Tiền bối Hương Thanh
(Lâm Ngọc Thanh, 1874-1937)



Tiền bối Ngọc Trang Thanh
(Lê Bá Trang, 1878-1936)



Tiền bối Lê Văn Bàng
1902-1987



Tiên bối Thượng Trung Nhật
(Lê Văn Trung, 1876-1934)



Tiên bối Thái Thơ Thanh
(Nguyễn Ngọc Thơ, 1873-1950)



Tiên bối Thượng Tương Thanh
Nguyễn Ngọc Tương (1881-1959)



Tiên bối Phạm Công Tắc
1890-1959

Tiểu Sử Các Tiên Bối Cao Đài

(Có đề cập trong bài Triết Lý Đền Thánh Cao Đài Tây Ninh)

Cao Quỳnh Cư. Tiên bối sinh năm 1888 (Mậu Tý) tại làng Hiệp Ninh, tổng Hàm Ninh Thượng, tỉnh Tây Ninh, con ông Cao Quỳnh Tuân (1844-1896) và bà Trịnh Thị Huệ (1835-1946). Tiên bối nhập môn Cao Đài ngày 16-12-1925 (01-11 Ất Sửu), thọ Thiên phong Thượng Phẩm ngày 19-11-1926 (15-10 Bính Dần), quy thiên ngày 10-4-1929 (01-3 Kỷ Ty) tại Tây Ninh. Tro thiêu di cốt của tiên bối được đặt trong hầm ngay bên dưới Bát Quái Đài của Đền Thánh. Tượng Đức Cao Thượng Phẩm được đặt ở Hiệp Thiên Đài Đền Thánh, đứng bên phải tượng Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc.

Lâm Ngọc Thanh. Tiên bối sinh năm 1874 (Giáp Tuất) tại làng Trung Tín, quận Vững Liêm, tỉnh Vĩnh Long, con bà Trần Thị Sanh (1855-1906). Tiên bối quy y với hòa thượng Như Nhãn ở chùa Giác Hải (1919), rồi nhập môn Cao Đài ngày 14-7-1926 (05-6 Bính Dần), thọ Thiên phong phẩm Chánh Phối Sư ngày 18-4-1929 (09-3 Kỷ Ty), quy thiên tại quê nhà ngày 17-5-1937 (08-4 Đinh Sửu), thọ thiên ân truy thăng Đầu Sư ngày 02-6-1937 (24-4 Kỷ Ty). Tượng của tiên bối được đắp ở lầu trống của Đền Thánh Tòa Thánh Tây Ninh. Tro thiêu di cốt của tiên bối được đặt trong hầm ngay bên dưới Bát Quái Đài của Đền Thánh.

Lê Bá Trang. Tiên bối sinh ngày 18-02-1878 (17-01 Mậu Dần) tại làng Tân Quy Đông, xã Tân Vĩnh Hòa, quận Châu Thành, tỉnh Sa Đéc, con ông Lê Văn Lâu và bà Trần Thị Nga.

Tiền bối nhập môn Cao Đài tháng 5-1926, làm Thượng Chương Pháp Hội thánh Cao Đài Bến Tre do công cử ngày 13-12-1934 (07-11 Giáp Tuất), quy thiên ngày 18-7-1936 (30-5 Bính Tý) tại Bến Tre. Tro thiêu di cốt của tiền bối hiện đặt trong hầm, ngay bên dưới Bát Quái Đài của Đền Thánh Tây Ninh.

Lê Văn Bằng. Tiền bối sinh ngày 12-01-1902 (03-12 Tân Sửu) tại tổng Hòa Hiệp, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho, con ông Lê Văn Luận và bà Nguyễn Thị Diệu. Tiền bối cùng vợ và năm người con (ba gái, hai trai) nhập môn tại Mỹ Tho (1929). Cả gia đình về Tòa Thánh hành đạo (từ 1935), nhận chức Tổng Giám (10-01-1936). Tiền bối quy thiên năm 1987 (Đinh Mão).

Lê Văn Trung. Tiền bối sinh ngày 25-11-1876 (10-10 Bính Tý) tại làng Phước Lâm, tổng Phước Điền Trung, huyện Cần Giuộc, tỉnh Chợ Lớn, con ông Lê Văn Thanh (1845-1878) và bà Văn Thị Xuân (1849-1912). Nhập môn Cao Đài tháng 01-1926, tiền bối thọ Thiên phong Thượng Đẩu Sư ngày 26-4-1926 (15-3 Bính Dần), rồi Quyền Giáo Tông ngày 22-11-1930 (03-10 Canh Ngọ), quy thiên ngày 19-11-1934 (13-10 Giáp Tuất). Tượng của tiền bối được đắp ở lầu chuông của Đền Thánh Tòa Thánh Tây Ninh. Tro thiêu di cốt của tiền bối được đặt trong hầm ngay bên dưới Bát Quái Đài của Đền Thánh.

Nguyễn Ngọc Thơ. Tiền bối sinh năm 1873 (Quý Dậu) tại quận Bãi Xâu, tỉnh Sóc Trăng, tên thật là Nguyễn Văn Tơ, con ông Nguyễn Hưng Học (1839-1899) và bà Trần Thị Thảo. Tiền bối từng quy y với hòa thượng Như Nhãn. Sau khi chồng tiền bối Lâm Ngọc Thanh là Huỳnh Văn Xây qua đời (1919), tiền bối Thơ tục huyền với tiền bối Thanh. Tiền bối Thơ nhập môn Cao Đài ngày 24-6-1926 (15-5 Bính Dần), thọ

Thiên phong Quyền Thái Đẩu Sư (1930), quy thiên ngày 02-9-1950 (20-7 Canh Dần) tại Phú Lâm. Hai tiền bối Thơ và Thanh đều là mạnh thường quân của chùa Giác Hải. Tro thiêu di cốt của tiền bối Thơ đặt trong hầm, ngay bên dưới Bát Quái Đài của Đền Thánh.

Nguyễn Ngọc Tương. Tiền bối sinh ngày 22-6-1881 (26-5 Tân Ty) tại làng An Hội, tổng Bảo Hựu, tỉnh Bến Tre, con ông Nguyễn Ngọc Đẩu (1857-1882) và bà Võ Thị Sốt (1856-1919). Tiền bối nhập môn Cao Đài khoảng thượng tuần tháng 02-1925 (hạ tuần tháng Chạp Ất Sửu), làm Giáo Tông Hội Thánh Cao Đài Ban Chính Đạo (công cử năm 1935), quy thiên ngày 18-6-1951 (15-5 Tân Mão) tại Tòa Thánh An Hội (Bến Tre).

Phạm Công Tắc. Tiền bối sinh ngày 21-6-1890 (05-5 Canh Dần) tại làng Bình Lập, tỉnh Tân An, con ông Phạm Công Thiên và bà La Thị Đường. Gia đình tiền bối nguyên là tín đồ Thiên Chúa Giáo. Tiền bối nhập môn Cao Đài ngày 16-12-1925 (01-11 Ất Sửu), thọ Thiên phong Hộ Pháp ngày 26-4-1926 (15-3 Bính Dần), quy thiên ngày 17-5-1959 (10-4 Kỷ Hợi) tại Nam Vang, Cam Bốt. Sáng ngày 30-11-2006 (10-10 Bính Tuất), liên đài Đức Phạm Hộ Pháp được chuyển từ Phnom Penh về Tòa Thánh Tây Ninh. Tượng Đức Phạm Hộ Pháp được đặt ở Hiệp Thiên Đài Đền Thánh, bên trái tượng Đức Hộ Pháp là tượng Đức Thượng Sanh Cao Hoài Sang (1901-1971), bên phải tượng Đức Hộ Pháp là tượng Đức Thượng Phẩm Cao Quỳnh Cư.

Sách Báo Tham Khảo

Alvin Toffler, *Cú Sốc Tương Lai*. Hà Nội: Nxb Thông Tin Lý Luận, 1992.

American Heritage Illustrated Encyclopedic Dictionary. Boston: Houghton Mifflin Co., 1987.

Cao Đài Chiếu Minh, *Đại Thừa Chơn Giáo*. Sài Gòn: 1950.

Erza F. Vogel, *The Four Little Dragons: the Spread of Industrialization in East Asia*. Harvard University 1994.

Nguyễn Văn Hồng, *Giới Thiệu Tòa Thánh Tây Ninh*. http://pandora.nla.gov.au/pan/10190/20090921-1311/www-personal.usyd.edu.au/_cdao/gtttnv.htm

Hoàng Đình Phú, *Xu Thế Thế Giới Trong Những Thập Niên Đầu Thế Kỷ 21*. Hà Nội: Nxb Khoa Học và Kỹ Thuật, 2000.

Huệ Khải, *Tìm Hiểu Ngọc Hoàng Thiên Tôn Bửu Cáo*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2010.

Hương Hiếu, *Đạo Sử*. Quyển I. Tòa Thánh Cao Đài Tây Ninh (ronéo, không năm xuất bản).

John Naisbitt, *Những Xu Hướng Lớn Của Châu Á Làm Thay Đổi Thế Giới*. Nxb Trẻ, 1998.

Lê Anh Dũng, *Lịch Sử Đạo Cao Đài Thời Kỳ Tiềm Ẩn 1920-1926*. Huế: Nxb Thuận Hóa, 1996.

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ, *Dịch Kinh Đại Toàn*. Tập III. California: 1997.

Phùng Lâm chủ biên, *Đại Dự Đoán Trung Quốc Thế Kỷ 21*. Hà Nội: Nxb Văn Hóa - Thông Tin, 1999.

Tập san Khoa Học Xã Hội Và Nhân Văn. Tp.HCM: Trường Đại Học Khoa Học Xã Hội Và Nhân Văn, số 3-1997.

Tập thể các tác giả Trung Quốc, *Dự Báo Thế Kỷ 21*. (Xuân Du, Trần Thanh, Nguyễn Thanh Bích, Trần Đăng Thao dịch theo bản *Dự Báo Về Thế Giới Thế Kỷ 21* của Nxb Thượng Hải, 1996.) Hà Nội: Nxb Thống Kê, 1998.

Thánh Giáo Suu Tập Năm Nhâm Tý Và Quý Sửu (1972-1973). Sài Gòn: Cơ Quan Phủ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, 1974.

Thánh Ngôn Hiệp Tuyển. Quyển I. Sài Gòn: Imprimerie Tam thanh, 1928.

The New Encyclopaedia Britannica. Vol. 5, 15th ed., 1998.

Tu Wei-ming, *Confucian Ethics Today: the Singapore Challenge*. Curriculum Development Institute of Singapore & Federal Publications, 1983.

Viện Nghiên Cứu Tôn Giáo, *Tạp Chí Nghiên Cứu Tôn Giáo*. Hà Nội: 1999, Số 2.

CHƯƠNG TRÌNH CHUNG TAY ẤN TỔNG KINH SÁCH ĐẠI ĐẠO

ĐÃ XUẤT BẢN:

- 1-3. **ĐẤT NAM KỲ – TIẾN ĐẾN VĂN HÓA MỞ ĐẠO CAO ĐÀI.** Huệ Khải, 2008, 2012.
- 2-3. **NGŨ VĂN CHIÊU – NGƯỜI MÔN ĐỆ CAO ĐÀI ĐẦU TIÊN.** Huệ Khải, 2008, 2009, 2012.
- 3-2. **LỜI VÀNG SEN TRẮNG.** Bạch Liên Tiên Trưởng; Huệ Khải chú thích, 2008, 2009.
- 4-2. **LÒNG CON TIN ĐÁNG CAO ĐÀI.** Huệ Khải, 2008, 2010.
- 5-3. **LUẬT NHÂN QUẢ THEO GIÁO LÝ CAO ĐÀI.** Huệ Khải, 2008, 2010, 2012.
- 6-2. **ĐẤT NAM KỲ – TIẾN ĐẾN PHÁP LÝ MỞ ĐẠO CAO ĐÀI.** Huệ Khải. 2008 in hai lần, 2010.
- 7-1. **CÁC THÁNH SỞ CAO ĐÀI TỈNH LONG AN.** Đạt Linh, Đạt Truyền, Huệ Khải, 2008.
- 8-2. **BỒI DƯỠNG ĐỨC TIN.** Bùi Văn Tâm, 2008, 2012.
- 9-2. **LỄ BỔN.** Cao Triều Phát soạn; Huệ Khải, Lê Anh Minh san nhuận 2008, 2009.
- 10-3. **CƠ DUYÊN VÀ TUỔI TRẺ.** Phạm Văn Liêm, 2009 in hai lần, 2012.
- 11-2. **NHỚ ĐẠT LINH.** Huệ Khải chủ biên, 2008, 2009.
- 12-3. **KINH CỨU KHỔ TRONG ĐẠO CAO ĐÀI.** Huệ Khải, 2009, 2010, 2011.
- 13-1. **HỌC TẬP THÁNH GIÁO NĂM ẤT TỶ (1965).** Huệ Khải, Lê Anh Minh hiệp chú, 2009.
- 14-2. **ĐẠO ÁO TRẮNG.** Phạm Văn Liêm, 2009, 2010.
- 15-3. **TÌM HIỂU KINH SÁM HỐI.** Thanh Căn, Huệ Khải, 2009, 2010, 2011.
- 16-2. **TÌM HIỂU NGỌC HOÀNG THIÊN TÔN BỬU CÁO.** Huệ Khải, 2009, 2010.
- 17-1. **THIỆN THƯ.** Lê Anh Minh, 2009.
- 18-2. **HƯƠNG QUẾ CHO ĐỜI.** Phạm Văn Liêm, 2009, 2012.
- 19-1. **XUÂN TRI ÂN.** Hiệp tuyển thơ văn, nhiều người viết, 2010.
- 20-2. **CÓ MỘT TÌNH THƯƠNG.** Bạch Liên Hoa, 2010, 2011.
- 21-2. **BA MÓN BÁU CỦA NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI.** Thanh Căn, 2010, 2012.
- 22-1. **TAM GIÁO VIỆT NAM – TIẾN ĐẾN TƯ TƯỞNG MỞ ĐẠO CAO ĐÀI.** Huệ Khải, 2010.
- 23-2. **ƠN GỌI MIỀN TRUNG.** Phạm Văn Liêm, 2010, 2011.
- 24-3. **HÀNH TRANG NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI.** Diệu Nguyên, 2010 in hai lần, 2012.
- 25-3. **CÂU CHUYỆN ĐỨC TIN.** Diệu Nguyên, 2010, 2011, 2012.
- 26-1. **NGHỆ THUẬT THUYẾT TRÌNH GIẢNG ĐẠO.** Đơn Tâm, 2010.
- 27-2. **HÀNH TRANG TIẾN BỒI CAO TRIỀU PHÁT.** Cao Bạch Liên & Huệ Khải, 2010, 2012.
- 28-2. **TRIẾT LÝ ĐẾN THÁNH CAO ĐÀI TÂY NINH.** Huệ Khải, 2010, 2012.
- 29-2. **DANH THẤY DANH ĐẠO.** Đơn Tâm, 2010, 2012.
- 30-1. **MỘT DÒNG BÁT NHÃ.** Huệ Khải, 2010.

- 31-2. **GIẢI MÃ TRUYỆN TÂY DU.** Huệ Khải, 2010, 2011.
- 32-1. **NGÀI MINH THIÊN - CUỘC ĐỜI VÀ ĐẠO NGHIỆP.** Đại Cơ Huòn, 2010.
- 33-2. **TINH HOA CAO ĐÀI GIÁO.** Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ, 2010, 2012.
- 34-3. **THẤT CHÂN NHÂN QUẢ.** Lê Anh Minh dịch và chú thích, 2010 in hai lần, 2012.
- 35-1. **XUÂN CHUNG TÂM.** Hiệp tuyển thơ văn, nhiều người viết, 2011.
- 36-1. **ĐẠI THỪA CHƠN GIÁO.** Cao Đài Chiêu Minh Tam Thanh Vô Vi, 2011.
- 37-2. **NÓI CHUYỆN CAO ĐÀI.** Đơn Tâm, 2011, 2012.
- 38-2. **KINH SÁM HỐI MINH HỌA.** Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, tranh 4 màu, 2011, 2012.
- 39-2. **TÌM HIỂU HAI BÀI TIÊN THIÊN KHÍ HÓA VÀ QUẾ HƯƠNG NỘI ĐIỆN.** Huệ Khải.
- 40-2. **SỬ MẠNG ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ.** Đơn Tâm, 2011, 2012.
- 41-1. **TRÊN ĐƯỜNG THIÊN LÝ.** Phạm Văn Liêm, 2011.
- 42-1. **NHIP CẦU TƯƠNG TRI.** Huệ Khải, 2011.
- 43-2. **ĐIỂM TỰA TÂM LINH.** Huệ Khải, 2011, 2012.
- 44-1. **ĐỌC LẠI THẤT CHÂN NHÂN QUẢ.** Huệ Khải, 2011.
- 45-1. **NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI LÀM QUEN PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU.** Huệ Khải, 2011.
- 46-1. **TIẾNG CHIM QUYÊN.** Phạm Văn Liêm (thơ), 2011.
- 47-1. **MỘT GÓC NHÌN VĂN HÓA CAO ĐÀI.** Huệ Khải, 2011.
- 48-1. **CON ĐƯỜNG HẠNH PHÚC.** Huệ Khải, 2011.
- 49-1. **KINH CÚNG TỬ THỜI.** Cao Đài Chiêu Minh Tam Thanh Vô Vi, 2011.
- 50-1. **XUÂN HÒA ĐỒNG.** Hiệp tuyển thơ văn, nhiều người viết, 2012.
- 51-2. **CUỘC ĐỜI PHẬT THÍCH CA.** Ngô Bái Thiên, tranh 4 màu, 2012 in hai lần.
- 52-1. **TU CỨU CỨU HUYỀN THẤT TỔ.** Huệ Khải, 2012.
- 53-1. **CẨM ĐẠO CAO ĐÀI Ở TRUNG KỶ (1928-1950).** Huệ Khải, 2012.
- 54-1. **BẮC CẦU TÂM LINH.** Huệ Khải, 2012.
- 55-1. **HÒA ĐIỀU LIÊN TÔN.** Huệ Khải, 2012.
- 56-1. **ĐẠO LÝ HUYẾN CƠ.** Thiện Bảo, 2012.
- 57-1. **LƯỢC SỬ BÁT BỬU PHẬT ĐÀI.** Thiện Bảo, 2012.

* **ĐẠI ĐẠO VĂN UYỂN** tập Nguyễn, Hanh, Lợi, Trinh. Hiệp tuyển thơ văn, nhiều người viết, quý I, II, III, IV-2012. (Giai phẩm ấn hành theo định kỳ ba tháng một tập.)

Ghi chú: 57.1 tức là ấn phẩm thứ 57 và in lần thứ nhất.
24.3 tức là ấn phẩm thứ 24 và in lần thứ ba.

Ý NGHĨA THỰC HÀNH PHÁP THÍ

Đức **THẦN OAI VIỄN TRẦN QUAN THÁNH ĐẾ QUÂN** dạy (ngày 02-11 Tân Mùi, thứ Năm 10-12-1931): “*Phàm người tu hành mà đặt nặng một bộ kinh sách mà khuyên chúng làm lành thì người ấy nặng thành Tiên. Còn người văn chương quân tử mà làm nặng một pho sách dạy chúng luân thường đạo lý thì người nặng thành Thánh.*” (Chiếu Minh Đán, **Tam Ngươn Giác Thế**. Cần Thơ: Nhà in Phương Nam, tiền bối Cao Triều Trực ấn tống, tr. 36.)

Đức **GIÁO TÔNG ĐẠI ĐẠO THÁI BẠCH KIM TINH** dạy (thánh tịnh Ngọc Minh Đài, ngày 23-12 Kỷ Dậu, thứ Sáu 30-01-1970): “*Hơn một lần, Bản Đạo có nói rằng bố thí thực phẩm cho người đói lòng là một nghĩa cử từ thiện có phước đức công quả, nhưng bố thí lời đạo đức để giác ngộ người đói kém về mặt tinh thần lại càng phước đức, công quả trọng đại hơn.*”

Thánh giáo soi rọi cho mọi người thấy rằng tiếp tay phổ truyền văn hóa đạo đức sâu rộng trong xã hội nhân sinh để góp phần xây dựng cuộc đời trở nên thuần lương thánh thiện là một việc rất quan trọng, rất cao quý. Thế nên kinh sách Tam Giáo xưa nay luôn dạy nhân sanh hãy biết làm pháp thí.

Nói chí phổ truyền chánh pháp Cao Đài của tiền nhân khai sáng là Đức **Bạch Liên Tiên Trưởng** (Phan Thanh, 1898-1952), kể từ tháng 6-2008, thánh thất Bàu Sen triển khai **Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo**. Trân trọng kính mời Quý Thiên ân chức sắc, chức việc, đạo hữu, đạo tâm, các nhà Mạnh Thường Quân trong Tam Kỳ Phổ Độ liên hệ với Ban Ấn Tống để cùng nhau hợp sức ấn tống làm pháp thí ngõ hầu hoằng giáo Kỳ Ba.

Địa chỉ liên hệ: **THÁNH THẤT BÀU SEN**

59/46 Trần Phú, phường 4, quận 5, TpHCM ☎ (08) 38355733

● “*Lâu nay, nhận thấy phần đông chư hiền đệ muội tụng đọc Ngũ Nguyên ở những câu:*

Nhứt nguyện Đại Đạo hồng khai, nhưng cứ ngồi khoanh tay chờ đợi quyền năng vô hình nào để đến hồng khai cho mình.

Nhì nguyện phổ độ chúng sanh, nhưng cứ thu hình trong cái vỏ ốc ích kỷ ngàn đời và chờ đến phép màu vô lượng nào đó để đến cứu rỗi mình.

... Muốn hồng khai cho thiên hạ biết được Đạo, phải qua trung gian của thiên hạ, tức là con người, là chư Thiên mạng có trọng trách thế Thiên hành đạo. Thế Thiên hành đạo không phải chỉ ở hàng chức sắc, chức vụ phẩm vị cao, mà bất cứ ai có tâm thành vì Đạo, có nhận thức đạt được lý Đạo, đều có thể hồng khai với bất cứ hình thức nào.”

Đức **Đông Phương Chương Quân**

Trúc Lâm Thiên Điện, 17-7 Canh Tuất (18-8-1970)

● “*Giáo lý Đạo Trời cốt đem lại những gì hạnh phúc cho vạn loại, cho tất cả mọi tầng lớp chúng sanh, không riêng cho lớp người nào, cho tôn giáo nào, cho phe phái nào. Nếu có riêng là riêng cho những người dục vọng bại hoại lương tri.*

Còn sự phổ thông giáo lý Đại Đạo cũng không dành riêng cho lớp người nào. Ai cũng có thể làm được, miễn là hiểu được đường lối, mục đích và chủ trương cao cả của nó. Việc làm này không luận là lớn tuổi, nhỏ tuổi, không luận là hội thánh hay tòa thánh, cũng không luận là có đạo nhiều năm hay người mới vào, ít tuổi đạo. Nó đã đến, đang đến và sẽ đến với những ai am tường Thiên ý, học hỏi đạo lý, tận tụy phổ thông, say sưa truyền bá.”

Đức **Giáo Tông Đại Đạo Thái Bạch Kim Tinh**

Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 15-7 Bính Ngọ (20-8-1967)

TÂM NIỆM VÀ TRI ÂN

Đức **Ngọc Hoàng Thượng Đế** dạy: “*Hỡi các con! Giáo lý hay chơn lý Đại Đạo được hoằng dương sâu rộng vào lòng người sẽ biến đổi hoàn cảnh ngăn cách khổ đau của thế gian trở nên thái bình thanh trị hay niết bàn cực lạc.*”⁽¹⁾

Thấm thía lời Thầy dạy trên đây, hằng ngày cúng tứ thời, khi niệm đến câu “*Nam mô nhứt nguyện Đại Đạo hoằng khai; Nhị nguyện phổ độ chúng sanh*”, người đạo Cao Đài chúng ta nên tự hỏi: Mình đã làm được gì để hoằng khai Đạo Thầy cho đúng nghĩa là một chánh pháp cứu thế Kỳ Ba?

Chúng ta buồn tủi vì tình trạng Đức **Giáo Tông Đại Đạo** nêu lên hơn bốn mươi năm trước, bây giờ vẫn còn phổ biến: “*Thử xem trong thời gian mấy mươi thu qua, mỗi thánh thất, tịnh thất đâu có đủ Ban Cai Quản và Ban Trị Sự, thử hỏi lại có nơi nào đủ khả năng, phương tiện hoặc thì giờ đem giáo lý truyền bá cho tín hữu nơi đó mỗi tháng hai kỳ chẳng?*”⁽²⁾

Trước hoàn cảnh thiếu thôn giáo lý nói trên, *Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo* ra đời. Xin hết lòng tri ân tất cả Quý vị Mạnh Thường Quân đã ủng hộ mạnh mẽ chương trình hoằng pháp suốt từ tháng 6-2008 tới nay. Và xin tâm niệm lời Đức **Giáo Tông Đại Đạo** dạy: “*Công quả cùng danh nghĩa Đạo các hiền đệ muội không phải mỗi lúc đều có thể làm được, mà chỉ trong cơ hội thuận tiện nhứt trong kỳ nguồn hạ. Nếu trễ qua, không bao giờ cơ hội ấy trở lại, hoặc được trở lại cũng phải mất mấy chục vạn năm trời.*”⁽³⁾

BAN ẤN TỐNG

⁽¹⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 30-9 Canh Tuất (29-10-1970).

⁽²⁾ Thiên Lý Đàn, 20-9 Kỷ Dậu (30-10-1969).

⁽³⁾ Thiên Lý Đàn, 15-7 Ất Ty (11-8-1965).

ĐỂ CÓ THỂ PHÁT HUY HƠN NỮA TÁC DỤNG KINH SÁCH ẤN TỐNG

Có được nguồn kinh sách phong phú như hiện nay do Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo thực hiện và gởi biếu rộng rãi, chúng ta đang dần dần được thỏa mãn nỗi “khát” kinh sách. Nhưng, thử hỏi người đạo hữu đã thực sự thu hoạch được những gì từ mỗi cuốn sách? Trong việc quảng bá, giới thiệu, truyền thụ và tiếp nhận kinh sách ấn tống không thể không lưu tâm đến phương pháp, kế hoạch nhằm phát huy tác dụng, nâng cao hiệu quả kinh sách để đạt được mục tiêu tu tiên.

Đây là vấn đề mọi người có thể cùng suy nghĩ, định hướng và thực nghiệm theo từng đơn vị họ đạo, cơ sở đạo một cách linh hoạt, sao cho phù hợp hoàn cảnh từng địa phương. Bởi lẽ, nếu chúng ta có nguồn sách hay, đẹp, bổ ích, phong phú mà chỉ để trưng bày trong tủ như món đồ trang trí, hoặc để dành đợi khi nào nhàn rỗi sẽ đọc, hoặc thụ động chờ bốn đạo nào có nhu cầu thì đến tủ sách họ đạo hỏi mượn... thì e rằng có phụ ơn soi dẫn của các Đấng thiêng liêng Tam Kỳ Phổ Độ, và phụ lòng các vị Mạnh Thường Quân nhiệt thành công quả ấn tống chẳng?

Về việc phổ truyền, giới thiệu kinh sách từ tỉnh thành, quận huyện đến xã thôn, từ các trường ban, ngành... ở họ đạo, cơ sở đạo đến bốn đạo (trong đó có phái nữ, thanh thiếu niên) nếu có sự chuyên trách thì chắc chắn sẽ đạt hiệu quả cao.

Người chuyên trách phổ truyền này không chỉ thực hiện vào những buổi đạo hữu tập trung, những kỳ học tập mà cả những lúc tâm tình, trò chuyện trong dịp gặp gỡ, viếng thăm. Quảng bá, giới thiệu kinh sách cần lưu ý đến đối tượng tiếp

thụ và điều kiện tiếp nhận; lưu ý đến phương pháp và nội dung truyền thụ. Khởi dậy niềm hứng thú, ý thức ham học hiểu, tinh thần cầu tiến cũng là một phương pháp không kém phần hiệu quả. Nói chuyện, kể chuyện (theo kinh sách Cao Đài) là một cách truyền thụ kiến thức đạo lý rất hữu hiệu đối với đa số bôn đạo có nhiều hạn chế về khả năng đọc sách, có nhiều khó khăn trong đời sống kinh tế, đặc biệt ở những vùng nông thôn, những địa bàn xa thánh sở. Thí dụ, ta có thể dùng những cuốn sách nói về cuộc đời và đạo nghiệp của các vị tiền bối như: *Cơ Duyên Và Tuổi Trẻ*, *Hương Quế Cho Đời*, *Trên Đường Thiên Lý*, *Ngài Nguyễn Minh Thiện – Cuộc Đời Và Đạo Nghiệp...*

Có những sách dùng cho mọi đối tượng, nhưng cũng có một số sách không phải phục vụ cho mọi đối tượng. Người phân phối sách tất nhiên phải nắm được khái quát nội dung sách (như vậy bản thân người này phải đọc sách trước đã). Có thể sẽ phát sách nhầm đối tượng nếu ta chưa đọc qua quyển sách đó. Chẳng hạn như cuốn *Người Đạo Cao Đài Làm Quen Phương Pháp Nghiên Cứu, Nghệ Thuật Thuyết Trình Giảng Đạo*, hay cuốn *Lễ Bồn...* thì ta nên cung cấp cho những đối tượng nào?

Cùng nghĩ suy để tìm ra phương pháp tốt, hiệu quả cao trong việc phổ truyền kinh sách Đại Đạo; nỗ lực đóng góp cho Chương Trình Chung Tay Ấn Tống tùy từng khả năng, sức lực là thể hiện lòng thương Thầy mến Đạo, lòng tri ân công lao tiền bối. Ra sức tu học để nâng cao trình độ đạo lý thông qua việc tìm đọc kinh sách là yêu cầu không thể thiếu của toàn thể chức sắc, chức việc và tín đồ Đại Đạo.

TAM HÒA

*Thánh thất Linh Bửu
Huyện Đại Lộc, Quảng Nam*

Kính thưa Quý vị Mạnh Thường Quân ân nhân

* Quý vị Mạnh Thường Quân ủng hộ ấn tống xin vui lòng ghi rõ họ tên (kèm thánh danh, chức phẩm, tên thánh thất hay thánh tịnh, nếu có), nhất là *số điện thoại*, *địa chỉ* của Quý vị để Ban Ấn Tống thuận tiện liên lạc. Khi in phương danh Quý ân nhân, *số nhà*, *số điện thoại* được lược bớt để tôn trọng sự riêng tư của Quý vị.

* Quý vị Mạnh Thường Quân **KHÔNG** nên gửi tiền trong bao thư (phong bì) vì dễ thất lạc. Quý vị nên dùng *Dịch Vụ Chuyển Tiền* của Bưu Điện, hoặc chuyển tiền qua ngân hàng.

Đôi Lời Tha Thiết

Quý vị vui lòng **KHÔNG photocopy**, **KHÔNG mua bán** bất kỳ kinh sách nào do Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo thực hiện. Trân trọng kính mời Quý vị liên hệ với **thánh thất Bàu Sen**, hoặc **các điểm phát hành** của chúng tôi tại các tỉnh, thành, quận, huyện để thỉnh các ấn phẩm chánh thức (kính biểu).

Kinh sách được ấn tống để kính biểu rộng rãi là nhờ có biết bao tấm lòng vàng của hàng hàng lớp lớp đạo tâm gần xa gửi gắm. Để không phụ lòng các bậc Mạnh Thường Quân ấy, xin Quý vị trân trọng giữ gìn kinh sách để truyền trao cho đúng người thật tâm tìm tu, học đạo. Chúng tôi chân thành biết ơn sự thấu hiểu, đồng cảm, và hợp tác chặt chẽ của Quý vị.

HUỆ KHÀI. Thê danh Lê Anh Dũng. Chào đời tại Chợ Mới, An Giang. Bút danh: **Dữ Lan LÊ ANH DŨNG, NGHỆ DỮ LAN, LÊ KHANG THÌN...** Chủ biên **ĐẠI ĐẠO VĂN UYẾN** (Nxb Tôn Giáo, 2012). Đã in trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo:

NHỚ ĐẠT LINH (chủ biên, 2008) • **TÌM HIỂU KINH SÁM HỐI** (viết chung với **Thanh Căn**, 2009, 2010, 2011) • **HÀNH TRẠNG TIÊN BỒI CAO TRIỀU PHÁT** (viết chung với **Cao Bạch Liên**, 2010, 2012).

HUỆ KHÀI VĂN TẬP (ấn tổng)

ĐẤT NAM KỲ – TIỀN ĐỀ VĂN HÓA MỞ ĐẠO CAO ĐÀI (*Cochinchina as a Cultural Precondition for the Foundation of Caodaism*, 2008, 2012) • **ĐẤT NAM KỲ – TIỀN ĐỀ PHÁP LÝ MỞ ĐẠO CAO ĐÀI** (*Cochinchina as a Legal Precondition for the Foundation of Caodaism / La Cochinchine – le Préalable Juridique pour la Fondation du Caodaïsme*, 2008, 2010) • **NGŨ VĂN CHIÊU – NGƯỜI MÔN ĐỆ CAO ĐÀI ĐẦU TIÊN** (*Ngô Văn Chiêu – the First Caodai Disciple*, 2008, 2009, 2012) • **LUẬT NHÂN QUẢ THEO GIÁO LÝ CAO ĐÀI** (2008, 2010, 2012) • **LÒNG CON TIN ĐẮNG CAO ĐÀI** (2008, 2010) • **KINH CỨU KHỔ TRONG ĐẠO CAO ĐÀI** (2009, 2010, 2011) • **TÌM HIỂU NGỌC HOÀNG THIÊN TÔN BỬU CÁO** (2009, 2010) • **TAM GIÁO VIỆT NAM – TIỀN ĐỀ TƯ TƯỞNG MỞ ĐẠO CAO ĐÀI** (*The Three Teachings of Vietnam as an Ideological Precondition for the Foundation of Caodaism*, 2010) • **MỘT DÒNG BÁT NHÃ** (2010) • **GIẢI MÃ TRUYỆN TÂY DU** (1993, 1995, 2000, 2001, 2003, 2005, 2010, 2011) • **TÌM HIỂU HAI BÀI TIÊN THIÊN KHÍ HÓA VÀ QUẾ HƯƠNG NỘI ĐIỆN** (2011, 2012) • **NHỊP CẦU TƯƠNG TRI** (2011) • **ĐỌC LẠI THẤT CHÂN NHÂN QUẢ** (2011) • **ĐIỂM TỰA TÂM LINH** (2011, 2012) • **NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI LÀM QUEN PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU** (2011) • **MỘT GÓC NHÌN VĂN HÓA CAO ĐÀI** (2011) • **CON ĐƯỜNG HẠNH PHÚC** (2011) • **TU CỨU CỨU HUYỀN THẤT TỔ** (2012) • **CẤM ĐẠO CAO ĐÀI Ở TRUNG KỲ 1928-1950 / Caodaism under Persecution in Central Vietnam 1928-1950** (2012) • **BẮC CẦU TÂM LINH** (2012) • **HÒA ĐIỆU LIÊN TÔN** (2012) •

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
CHƯƠNG TRÌNH CHUNG TAY ẤN TỔNG KINH SÁCH ĐẠI ĐẠO

HUỆ KHÀI
TRIẾT LÝ ĐỀN THÁNH CAO ĐÀI TÂY NINH

IN LẦN THỨ HAI

Chịu trách nhiệm xuất bản: NGUYỄN CÔNG OÁNH

Biên tập: LÊ HỒNG SƠN

Trình bày & Kỹ thuật: DỮ LAN

Vẽ bìa: LÊ ANH HUY

Bìa 4: HUỆ KHÀI VĂN TẬP 慧啓文集

Thư pháp: TRƯƠNG LỘ 張路

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

53 Tràng Thi, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

☎ (04) 37822845 – Fa : (04) 37822841

In năm ngàn bản, khổ 14,5x20,5cm, tại XN In FAHASA
774 Trường Chinh, phường 15, quận Tân Bình, TpHCM.

☎ (08) 38153971 – Fax : (08) 38153297

Số xuất bản **1345-2012/CXB/36-150/TG**, ngày 07-11-2012.

In xong và nộp lưu chiểu quý IV năm 2012.

SÁCH ẤN TỔNG (KHÔNG BÁN)

Tổng phát hành: Hiền huynh **TRẦN VĂN QUANG**

59/79 Trần Phú, phường 4, quận 5, TpHCM. ☎ 0913613653